

Số: 158/CECO-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty CP Thiết kế công nghiệp Hóa chất

- Mã chứng khoán: CEC

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 21A phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội

- Điện thoại: 024.3845.5777

- Fax: 024.3823.2325

- Người thực hiện công bố thông tin: Trương Thị Minh Thu - Kiểm soát viên.

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

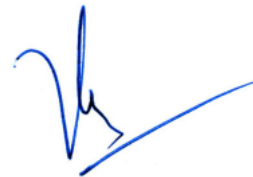
3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 03/6/2020 (đường dẫn: [www.ceco.com.vn/Quan hệ cổ đông/Thông tin chung](http://www.ceco.com.vn/Quan_hệ_cổ_đông/Thông_tin_chung)).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu gửi kèm:

- Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 .

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Trương Thị Minh Thu

CHƯƠNG TRÌNH
HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

TT	Thời gian dự kiến	Nội dung
1	08:00- 08:30	1.1- Đón tiếp đại biểu và cổ đông, kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký dự họp 1.2- Phát tài liệu dự họp, thẻ biểu quyết
2	08:30- 08:35	2.1- Ổn định tổ chức chuẩn bị hội nghị, chào cờ 2.2- Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần tham dự 2.3- Giới thiệu và thông qua Ban Thẩm tra tư cách cổ đông
3	08:35- 08:40	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông
4	08:40- 08:45	4.1- Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn Thư ký 4.2- Giới thiệu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu
5	08:45- 08:50	Thông qua chương trình và quy chế làm việc của hội nghị
6	08:50- 09:00	Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020;
7	09:00-09:10	7.1- Tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2019; 7.2- Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2020; 7.3- Tờ trình thù lao HĐQT, BKS, TKCT năm 2020; 7.4- Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh; 7.5- Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Phương án bầu bổ sung; 7.6- Tờ trình về việc miễn nhiệm kiểm soát viên và phương án bầu bổ sung.
8	09:10-09:30	Bầu bổ sung Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên Công ty
9	09:30-09:50	Giải lao
10	09:50-10:00	Báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và dự kiến chương trình hoạt động năm 2020; Báo cáo về việc hủy đăng ký công ty đại chúng
11	10:00-10:10	11.1- Báo cáo về hoạt động của BKS trong năm 2019 và kế hoạch năm 2020 11.2- Tờ trình đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020
12	10:10-10:15	Công bố kết quả kiểm phiếu bầu cử
13	10:15-11:00	Thảo luận, trả lời chất vấn, lấy ý kiến góp ý của cổ đông
14	11:00-11:05	Biểu quyết thông qua các vấn đề riêng lẻ
15	11:05-11:10	Thư ký hội nghị đọc dự thảo Biên bản họp và nghị quyết
16	11:10-11:15	Biểu quyết thông qua Biên bản + Nghị quyết của hội nghị. Bế mạc

Ghi chú:

- Thời gian: 08h00 ngày 15/6/2020 tại trụ sở CECO - 21A Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019,

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức và tiến hành Hội nghị Đại hội đồng cổ đông (sau đây gọi tắt là Hội nghị) thường niên 2020, đồng thời hướng dẫn cho cổ đông tham gia Hội nghị và thực hiện biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, Hội đồng quản trị CECO kính trình ĐHĐCĐ thông qua Quy chế làm việc tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA HỘI NGHỊ

1. Cổ đông/đại diện cổ đông khi đến tham dự Hội nghị mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự, xuất trình đầy đủ giấy tờ tùy thân, thư mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông tại bàn tiếp đón.
2. Khi vào hội trường tổ chức Hội nghị phải tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban Tổ chức.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Hội nghị từ khi bắt đầu Hội nghị cho đến khi kết thúc Hội nghị. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông vì bất kỳ lý do gì phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Hội nghị thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc Hội nghị mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông/đại diện cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Hội nghị.

II. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI HỘI NGHỊ

1. Nguyên tắc:
 - Các vấn đề cần biểu quyết trong chương trình nghị sự của Hội nghị đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Hội nghị. Mỗi cổ đông được cấp một Phiếu biểu quyết của CECO.
 - Phiếu biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho cổ đông/hoặc người được ủy quyền khi cổ đông/người được ủy quyền làm thủ tục đăng ký dự họp. Trên Phiếu biểu quyết ghi rõ họ tên và số cổ phần của cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện.
 - Mọi thắc mắc liên quan đến thông tin của cổ đông ghi trên thư mời và Phiếu biểu quyết phải được báo cho Ban Tổ chức hoặc Thư ký Công ty trước giờ khai mạc Hội nghị.
2. Phương thức biểu quyết:
 - Cổ đông/đại diện cổ đông biểu quyết (đồng ý/ không đồng ý/ không có ý kiến)

đôi với một vấn đề bằng cách trực tiếp giờ Phiếu biểu quyết;

- Khi tiến hành biểu quyết (đồng ý/không đồng ý/ không có ý kiến) cổ đông sẽ lần lượt giờ Phiếu biểu quyết lên cao theo sự điều hành của Chủ tọa.
- Ngay sau khi hoàn thành phần Biểu quyết thông qua các nội dung được trình bày tại Hội nghị, Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể Hội nghị.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết.
- Các vấn đề sau đây được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Hội nghị chấp thuận:
 - ✓ Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020;
 - ✓ Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019;
 - ✓ Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2020.
 - ✓ Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
 - ✓ Tờ trình về thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020;
 - ✓ Tờ trình về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và Phương án bầu bổ sung;
 - ✓ Tờ trình về việc miễn nhiệm kiểm soát viên và phương án bầu bổ sung;
 - ✓ Tờ trình về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty;
 - ✓ Các nội dung khác theo thẩm quyền.

III. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI HỘI NGHỊ

1. Cổ đông tham dự Hội nghị sẽ phát biểu ý kiến bằng cách đăng ký với Ban Tổ chức. Ban Tổ chức sẽ có trách nhiệm báo cáo Đoàn chủ tịch.
2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Hội nghị đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ giải đáp các thắc mắc của cổ đông trực tiếp tại Hội nghị và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình Hội nghị.

IV. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Điều khiển Hội nghị theo đúng chương trình nghị sự, các thẻ lệ quy chế đã được Hội nghị thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn hội nghị thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình tổ chức Hội nghị.
3. Đoàn chủ tịch có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Đoàn chủ tịch có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự Hội nghị chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; yêu cầu những người không tuân thủ quyền điều hành của Đoàn chủ tịch, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc Hội nghị.
5. Đoàn chủ tịch có quyền hoãn Hội nghị ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự; có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 3 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;
 - Các sự cố khác nảy sinh trong quá trình Hội nghị.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ HỘI NGHỊ

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Hội nghị và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Hội nghị.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Hội nghị.
3. Soạn thảo Biên bản họp và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Hội nghị.
4. Kịp thời thông báo với Đoàn chủ tịch về các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền giải quyết.

VI. BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Tất cả các nội dung tại Hội nghị ĐHĐCĐ phải được Thư ký hội nghị ghi vào Biên bản họp. Biên bản và Nghị quyết họp phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Hội nghị.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của CECO. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

Kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

MS: BGD-1018
BH: 10/04/2020

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ
KẾ HOẠCH NĂM 2020**

KỲ BÁO CÁO: 01/01/2019 ĐẾN 31/12/2019

THÁNG 04 NĂM 2020



BÁO CÁO

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NĂM 2020

Căn cứ vào Nghị quyết số 55/NQ-CECO ngày 25/4/2019 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Ban điều hành báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020.

PHẦN I

TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2019

(đến hết ngày 31/12/2019)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Công ty đã ký kết được các hợp đồng tư vấn có giá trị lớn của dự án Long Sơn, Nhà máy sản xuất Polypropylene và Kho ngầm chứa LPG - Hyosung trong cuối năm 2018 và đầu năm 2019 đảm bảo đủ việc làm cho các bộ phận sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2019;
- Nhân sự của các bộ phận đã tinh gọn nhẹ hơn so với trước đây.

2. Khó khăn

- Dự án NPK bị chậm do các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và dòng tiền của dự án.
- Do ảnh hưởng của việc tranh chấp muối Lào dẫn đến Công ty không đủ năng lực để tham dự đấu thầu.
- Nhân sự của các bộ phận, đặc biệt là các nhân sự có kinh nghiệm của khối trực tiếp nghỉ việc do việc giảm và chậm lương.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2019

1.1. Tình hình sản xuất kinh doanh hợp nhất trong năm 2019

Đơn vị tính: 1.000.000 VNĐ

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018	KH 2019	Thực hiện 2019	% HT 2019/2018	% HT /KH 2019	Ghi chú
1	Sản lượng	426,425		355,357	83.3%		
2	Doanh thu	404,037	385,000	335,036	82.9%	87.0%	
3	Lợi nhuận sau thuế	4,621	8,500	1,273	27.5%	15.0%	
4	Số lượng lao động	156		106			CT mẹ
5	Tiền lương bình quân	10.8		8.5			



1.2. Giá trị các hợp đồng theo dõi và thực hiện trong năm 2019

Đơn vị tính: 1.000.000 VNĐ

TT	Đơn vị	Giá trị HĐ các năm trước + 2019	Số lượng	Năm 2019		
				Thực hiện	Nghiệm thu	Đã tạm ứng/ thanh toán
I	Công ty mẹ	4,321,623	155	309,627	265,512	310,281
1	Văn phòng Công ty	4,304,812	106	298,832	257,138	298,025
2	Chi nhánh HCM	16,811	49	10,795	8,374	12,256
II	Công ty con	47,914	93	45,730	70,723	20,876
1	CETD	6,561	63	4,554	3,167	2,836
2	CECOs	41,353	30	41,176	33,521	18,040
3	VMEC				34,035	
	Tổng cộng	4,369,537	248	355,357	336,235	331,157

1.3. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, lợi nhuận năm 2019

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2018	KH ĐHCĐ 2019	Thực hiện năm 2019	% HT 2019/ KH 2019	% TH 2019/ TH 2018	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=5/4	7=5/3	
I	Doanh thu hợp nhất	404,037	385,000	335,036	87.0%	82.9%	
	Tư vấn TK	30,332	-	38,711		127.6%	
	Thi công, Mua sắm, khác	370,243	-	290,693		78.5%	
	Doanh thu khác	3,462		5,632			
1	Doanh thu Công ty mẹ	364,428	316,000	268,358	84.9%	73.6%	
	Tư vấn TK	27,856		35,544		127.6%	
	Thi công, Mua sắm	334,124		227,746		68.2%	
	Doanh thu khác	2,448		5,068			
2	Doanh thu Công ty con	39,609	69,000	66,678	96.6%	168.3%	
	Tư vấn TK	2,476	-	3,167		127.9%	
	Thi công, Mua sắm	36,119		62,947		174.3%	
	Doanh thu khác	1,014		564		55.6%	
II	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	4,621	8,500	1,273	15.0%	27.5%	
1	Công ty mẹ CECO	4,069		70			
2	Các Công ty con	540		1,181			
3	Từ Công ty liên kết	12		22			
III	Lao động tiền lương						Công ty mẹ
1	Tổng quỹ tiền lương thực chi	22,648		15,145		66.9%	
2	Lương BQ/tháng (triệu đồng)	10.84		8.53		78.7%	
3	Tổng thu nhập thực chi	27,070		15,675		57.9%	
4	Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng)	12.96		10.50		81.0%	
IV	Công tác đầu tư xây dựng	352	880	0	0.0%	0.0%	Công ty mẹ

2. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2019

Trong năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do tác động của dự án NPK, dự án muối Lào làm ảnh hưởng đến dòng tiền của Công ty, tiến độ dự án EPC NPK Đạm Cà Mau vẫn bị chậm so với kế hoạch (tại thời điểm



31/12/2019, dự án EPC NPK Đạm Cà Mau chỉ đạt được 95,03% (tháng thứ 27) chậm 4,97% so với kế hoạch điều chỉnh) mặc dù công ty đã tập trung toàn bộ các nguồn lực để thực hiện dự án.

Với giá trị Hợp đồng tư vấn ký kết với giá trị khoảng 35,3 tỷ cùng với một số hợp đồng chuyển sang từ 2018 nhưng chỉ đảm bảo việc làm cho khối sản xuất trong 6 tháng đầu năm. Đến Quý III và đặc biệt là Quý IV khối lượng công việc các dự án đã hoàn thành do vậy nhân lực của các bộ phận sản xuất dôi dư. Trong Quý III và Quý IV chủ yếu thực hiện các công tác tiếp thị, chào giá, đấu thầu để tìm kiếm công việc cho các tháng cuối năm và gói đầu cho năm 2020.

Ban điều hành QLDA NPK thiếu kinh nghiệm quản lý dự án EPC dẫn đến dự án bị chậm hơn 10 tháng so với kế hoạch thực hiện, chi phí thực hiện dự án bị vượt quá so với kế hoạch chi phí đã được phê duyệt.

Sản lượng và doanh thu của công ty năm 2019 giảm nhiều so với năm 2018. Doanh thu đến 31/12/2019 chỉ đạt 87% (trong đó doanh thu của dự án EPC Đạm Cà Mau nghiệm thu trong năm 2019 là 227 tỷ đồng, lũy kế 509 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế 1,23 tỷ đồng, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều không đạt so với kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.



PHẦN II

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2020

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty dựa trên các giá trị các Hợp đồng còn lại chuyển sang và các hợp đồng dự kiến khai thác, Ban điều hành đề ra một số các chỉ tiêu trong năm 2020 như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Công ty mẹ	Công ty con	Tổng cộng	Ghi chú
1	Doanh thu SXKD	70,000	28,000	98,000	chưa bao gồm VMEC
	Tư vấn	20,000	3,000	23,000	
	Thi công, xây lắp	50,000	25,000	75,000	
2	Lợi nhuận sau thuế	-	1,224	1,224	

2. Khối lượng sản xuất chính còn lại cần hoàn thành trong năm 2020

TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
1	EPC dây chuyền NPK công suất 300.000T/N của Nhà máy Đạm Cà Mau	Tiến độ EPC: 95,03%, trong đó: - E: 100% - P: 98,53% - C: 84,25%	- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công việc của dự án để hoàn thành công việc phần C. - Hoàn thành lắp đặt cơ khí, hoàn thành chạy thử 72h, nghiệm thu và bàn giao Nhà máy
2	EPC dự án Nhà máy Khai thác và Chế biến Muối mỏ tại CHDCND Lào	- Đã có phán quyết của Trọng tài ngày 15/1/2020, tuy nhiên VINACHEM đã có đơn khiếu nại gửi Tòa án Nhân dân TP Hà Nội ngày 21/1/2020 về phán quyết này	- Chuẩn bị các công việc để tự bảo vệ theo yêu cầu của Tòa án (nếu có)
3	Dự án NMSX Bột giặt công suất 50.000 tấn/năm tại Cuba của CT Thương mại & Đầu tư Thái Bình	- Đã gửi Hồ sơ thánh toán mốc 3 đến 80% GTHĐ cho CĐT, tuy nhiên CĐT đã gửi email phản hồi v/v chưa đủ điều kiện để thanh toán do CĐT đang thuê đơn vị thứ 3 để hiệu chỉnh lại hồ sơ TK PCCC.	- Thanh toán mốc số 3 (73,261 EUR)
4	Thẩm tra Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật Dự án Long Sơn	- Hợp đồng ký tháng 12/2018 - Đã hoàn thành các công việc theo Hợp đồng, công trình đã được cấp phép xây dựng.	- Thực hiện các công việc phát sinh ký tại PLHĐ
5	Hỗ trợ chuẩn bị hồ sơ thiết kế và xin cấp phép	- Hợp đồng ký tháng 01/2019, chờ thanh toán	- Đã hoàn thành công việc, chờ thanh toán 2% GTHĐ



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ
CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

MS: BGD-1018

BH: 10/04/2020

TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
	xây dựng dự án Long Sơn - Technip	mốc cuối 2%, công trình đã được cấp phép xây dựng.	
6	Thẩm tra Hồ sơ TKKT, dịch tài liệu và xin cấp phép xây dựng của ko ngầm và hệ thống phụ trợ của Hyosung	- HĐ ký ngày 11/6/2019 - Đã hoàn thành toàn bộ công việc và đã quyết toán HĐ	- Thanh lý hợp đồng
7	Thẩm tra HSTKCS và TKBVTC công trình Kho cảng xăng dầu Hải Hà Quảng Trị	- HĐ ký ngày 18/6/2019 - Đã gửi báo cáo thẩm tra TKCS cho CĐT	- Chờ ý kiến phản hồi của CĐT để hoàn chỉnh. - Chờ TKBVTC của CĐT để thẩm tra
8	Thẩm tra TKBVTC và dự toán Kho xăng dầu Petrolimex Thanh Hóa	- HĐ ký ngày 16/7/2019 - Đã gửi báo cáo thẩm tra TKCS cho CĐT	- Chờ ý kiến phản hồi của CĐT để hoàn chỉnh. - Chờ TKBVTC của CĐT để thẩm tra
9	Các HĐ Thẩm tra thiết kế nhà máy SX phân NPK và NH3 của Đạm Phú Mỹ	- Đã hoàn thành các công việc vào ngày 31/7/2018, các phần việc tồn đọng sẽ được tách ra thành HĐ mới do CĐT chuyển đổi nguồn vốn thực hiện (ký với TCT)	- Chờ Quyết toán theo từng hạng mục công việc.
10	Lập BC nghiên cứu khả thi, dự án Hệ thống điều khiển và tự động hóa nhà máy Tuyển Than 2 giai đoạn 2	HĐ ký 01/7/2019, thời gian thực hiện từ ngày 15/8/2019 Đã hoàn thành và giao nộp sản phẩm cho CĐT để CĐT trình Tập đoàn phê duyệt Đã thanh toán đến 70% GTHĐ	Đang hiệu chỉnh FS theo ý kiến thẩm định của CĐT
11	Thiết kế BVTC Cải tạo xưởng lắp ráp bóng đèn LED và xây dựng kho tạm	HĐ ký 22/10/2019, thời gian thực hiện 30 ngày.	Hoàn thành Hồ sơ TKBVTC và thanh toán đến 80% GTHĐ
12	Thẩm tra Hồ sơ TK hệ thống đường ống trên cầu cảng 60.000 DWT - Kho ngầm chứa LPG tại Việt Nam	HĐ ký ngày 8/12/2019 Đã hoàn thành thẩm tra và nộp hồ sơ chờ thẩm định	Quyết toán và thanh lý HĐ
13	Hỗ trợ kiểm tra hồ sơ phục vụ cho kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy sản xuất Polypropylen (PP) (Giai đoạn 1) công suất 300.000 tấn/năm	Đã ký HĐ ngày 6/1/2020	Hoàn thành thanh toán 90% GTHĐ Hoàn thành 100% công việc trong tháng 2/2020
14	Hỗ trợ kiểm tra hồ sơ phục vụ cho kiểm tra công tác nghiệm thu	Đã ký HĐ ngày 7/1/2020	Thực hiện công việc theo tiến độ yêu cầu của Chủ đầu tư



TT	Dự án	Tình trạng	Các công việc cần đạt
	công trình hệ thống đường ống trên cảng Nhà máy sản xuất Polypropylen (PP) (Giai đoạn 1) công suất 300.000 tấn/năm		
15	Gói thầu MS02 Mua sắm NVL chế tạo 01 hệ thống TB SX hệ hóa phẩm khử nhũ quy mô 2 tấn/ngày	Đã ký HĐ ngày 26/2/2020	Thời gian thực hiện HĐ 120 ngày
16	Tư vấn thẩm tra thiết kế thiết kế cơ sở Kho xăng dầu Hưng Yên - Nghi Sơn tại Tỉnh Gia, Thanh Hóa	Đã ký HĐ ngày 12/2/2020	Thực hiện thẩm tra HSTK theo tiến độ bàn giao tài liệu của CĐT

2.1. Công việc trọng tâm trong năm 2020

- Tập trung nhân sự vào làm việc trực tiếp tại công trường cho dự án Đạm Cà Mau, tiếp tục đôn đốc tiến độ thực hiện dự án, hoàn thành chạy thử 72h.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các công việc đã ký hợp đồng trong Quý I/2020.
- Tiếp cận, chào giá các gói thầu của Long Vương, Hyosung, Inoue.... để có công việc gói đầu cho các tháng tới.
- Rà soát, tiếp tục thu hồi công nợ, đặc biệt với các dự án tồn đọng đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các hợp đồng đang thực hiện.
- Giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan đến dự án Muối mỏ Lào.
- Ban hành Quy chế thực hiện hợp đồng và Quy chế lương trong Quý II/2020.
- Các bộ phận tích cực tìm kiếm, quan hệ với các khách hàng để tìm việc cho Công ty.
- Đôn đốc công tác tiếp thị tại văn phòng Công ty và các Công ty con để đảm bảo có công việc gói đầu và doanh thu đã đề ra.
- Tái cơ cấu các bộ phận, cắt giảm nhân sự dôi dư.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
(Đã ký)
Lưu Ngọc Vĩnh

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ vào kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của CECO được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.
2. Báo cáo tài chính được tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban Kiểm soát Công ty kiểm tra và được Hội đồng quản trị Công ty công bố trên website của Công ty bao gồm:
 - ✓ Báo cáo của Ban giám đốc;
 - ✓ Báo cáo của Kiểm toán viên;
 - ✓ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019;
 - ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019;
 - ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - ✓ Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 40

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất:

Công ty	Ngành nghề	% Sở hữu (theo ĐKDN)	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Sản xuất, gia công cơ khí ngành hóa chất	55,33%	55,33%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa Chất	Xây dựng ngành hóa chất	51,00%	51,00%
Trung tâm phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học và dịch vụ khoa học công nghệ	100,00%	100,00%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên từ 01/01/2019 - 6/5/2019 - Bỏ nhiệm Chủ tịch từ ngày 07/05/2019
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch từ 01/01/2019- 06/05/2019 - Bỏ nhiệm Phó Chủ tịch từ 07/05/2019
Ông Vũ Minh Ngọc	Ủy viên từ 25/04/2019
Ông Đỗ Hiên Ngang	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019

Ban kiểm soát

Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban từ 01/01/2019-23/12/2019
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 29/10/2019
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 08/10/2019.
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: 366/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



A blue handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		481.466.912.262	562.580.512.647
I- Tiền	110	5.1	32.482.882.878	72.162.473.810
1. Tiền	111		9.300.100.600	54.139.150.336
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.182.782.278	18.023.323.474
III- Các khoản phải thu	130		234.898.212.078	301.567.051.038
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	146.734.979.008	83.419.765.964
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	29.558.436.506	62.769.463.416
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	48.018.576.606	141.692.399.477
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.392.576.512	15.491.778.735
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV- Hàng tồn kho	140		201.321.947.230	188.792.033.050
1. Hàng tồn kho	141	5.7	201.441.403.379	188.911.489.199
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.7	(119.456.149)	(119.456.149)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		12.763.870.076	58.954.749
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	371.532.225	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.9	10.784.283.978	56.254.749
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.9	1.608.053.873	2.700.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+230+240+250+260)	200		25.414.332.333	26.317.328.528
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		277.764.033	52.842.865
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	277.764.033	52.842.865
II- Tài sản cố định	220		16.696.362.706	18.189.082.422
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	14.854.478.008	16.069.020.575
- Nguyên giá	222		45.555.165.335	43.642.943.790
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.700.687.327)	(27.573.923.215)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	1.841.884.698	2.120.061.847
- Nguyên giá	228		6.074.916.400	6.074.916.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.233.031.702)	(3.954.854.553)
III- Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240		1.544.376.315	2.015.171.232
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	1.544.376.315	2.015.171.232
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	4.854.045.227	4.831.869.296
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.216.045.227	3.193.869.296
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		2.041.784.052	1.228.362.713
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	2.041.784.052	1.228.362.713
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		506.881.244.595	588.897.841.175

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		406.581.066.577	489.655.977.663
I- Nợ ngắn hạn	310		406.581.066.577	489.598.217.663
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	66.705.990.134	33.107.393.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	186.160.221.328	213.144.482.439
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.16	2.233.028.175	10.398.996.972
4. Phải trả người lao động	314		4.079.018.662	2.355.892.988
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	24.693.598.842	119.830.283.907
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.891.886.909	673.828.870
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	120.561.677.840	109.831.694.360
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		255.644.687	255.644.687
II- Nợ dài hạn	330		-	57.760.000
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	-	57.760.000
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		100.300.178.018	99.241.863.512
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	100.300.178.018	99.026.833.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.536.882.376	18.536.882.376
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.467.032.004	6.720.352.601
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.720.352.601	2.393.035.934
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		746.679.403	4.327.316.666
12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.21	14.525.903.638	13.999.238.535
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	5.20	-	215.030.000
1. Nguồn kinh phí	431		-	215.030.000
TỔNG NGUỒN VỐN (450 =300+400)	440		506.881.244.595	588.897.841.175

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	335.036.759.866	404.037.368.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	-	47.915.116
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	335.036.759.866	403.989.453.488
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	308.356.495.397	372.935.114.377
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.680.264.469	31.054.339.111
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	1.939.483.272	2.668.223.791
7. Chi phí tài chính	22	5.25	10.570.992.296	2.226.506.849
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.448.070.073</i>	<i>1.392.100.603</i>
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên danh liên kết	24		22.175.931	12.101.814
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.26	18.420.361.814	25.550.937.786
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(349.430.438)	5.957.220.081
12. Thu nhập khác	31	5.27	2.656.241.238	925.960.771
13. Chi phí khác	32	5.27	611.279.476	875.213.802
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.044.961.762	50.746.969
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		1.695.531.324	6.007.967.050
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.28	422.186.818	1.387.113.574
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.273.344.506	4.620.853.476
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		746.679.403	4.327.316.666
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		526.665.103	293.536.810
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.29	125	724

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.695.531.324	6.007.967.050
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.404.941.261	4.310.516.930
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.544.575	(175.320.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.812.287.442)	(2.513.793.012)
- Chi phí lãi vay	06		10.690.070.073	2.166.508.892
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.030.799.791	9.795.879.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.849.076.373	(153.171.017.705)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.529.914.180)	(11.503.858.075)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(91.512.279.691)	60.206.888.618
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.184.953.564)	127.466.665
- Tiền lãi vay đã trả	14		(10.690.070.073)	(2.166.508.892)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(763.767.257)	(391.585.937)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.628.288.118	6.890.184.626
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.074.870.274)	(7.094.633.835)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20		(52.247.690.757)	(97.307.185.475)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.912.221.545)	(2.151.812.325)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.943.181.818	259.545.455
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.071.991.425
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		1.869.105.624	2.513.793.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.900.065.897	2.693.517.567
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		351.581.316.249	182.960.238.457
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(340.909.092.769)	(97.968.429.434)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(352.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		10.672.223.480	84.639.009.023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(39.675.401.380)	(9.974.658.885)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		72.162.473.810	82.137.132.695
Ảnh hưởng của TĐ TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		(4.189.552)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	32.482.882.878	72.162.473.810

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.770.360.000 đồng. Cổ đông Sở hữu vốn trong Công ty tại ngày chốt danh sách 05/03/2020:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% V&L (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CECO

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Số lao động của Công ty mẹ tại 31/12/2019 là : 97 người (tại 01/01/2019 là 158 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 24/06/2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các công ty con, Công ty liên kết như sau:

Góp vốn	Hoạt động chính	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
Đầu tư khác				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%
Các Chi nhánh trực thuộc				
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh				

Các chi nhánh đã tiến hành giải thể tình hình giải thể như sau:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất tại Hà Nội

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 11/06/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 01/07/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng

Số 1/70 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất ra Quyết định số 386/QĐ-CECO về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng từ ngày 01/01/2016. Chi nhánh Hải Phòng đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính Hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng nhóm Công ty được loại bỏ khi Hợp nhất Báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua Quyền sử dụng đất và Phần mềm máy tính mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp như sau:

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20 % trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là thiết kế, cung cấp thiết bị công nghiệp, xây dựng, tư vấn thiết kế và dịch vụ khác... hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là Việt Nam và Lào. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo bộ phận kinh doanh và khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	8.007.464.507	2.691.523.555
Tiền gửi ngân hàng	1.292.636.093	51.447.626.781
Các khoản tương đương tiền	23.182.782.278	18.023.323.474
Tổng	32.482.882.878	72.162.473.810

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	146.734.979.008	83.419.765.964
Các bên liên quan		
- Công ty CP DAP số 2	37.406.795.821	37.533.684.321
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
- Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	91.529.400	47.250.000
Bên khác		
- Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	59.153.640.537	-
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	-	9.762.673.557
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	3.359.894.604	6.195.747.847
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	5.053.635.596	1.741.850.897
- Tổng công ty Phát điện 1	9.798.428.566	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thái Bảo Long	-	3.915.102.429
- Các khách hàng khác	27.980.492.182	20.332.894.611
Dài hạn	-	-
Tổng	146.734.979.008	83.419.765.964

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	29.558.436.506	62.769.463.416
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	-	11.742.636.850
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	5.685.869.182	7.953.287.146
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	-	7.447.127.325
Công ty TNHH cung ứng CAD	-	5.401.783.288
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	-	3.607.172.878
Công ty IMECO	-	2.732.723.140
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	-	2.689.830.000
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	-	2.516.910.000
Công ty cổ phần ECOWISE	7.994.456.250	1.598.891.250
Công ty TNHH vận tải và Dịch vụ VT3	7.075.254.225	1.273.781.868
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Trả trước các đối tượng khác	6.575.112.662	13.577.575.484
Dài hạn	-	-
Tổng	29.558.436.506	62.769.463.416

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	556.178.492.078	327.385.938.117
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.238.148.963	18.284.533.435
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	573.416.641.041	345.670.471.552
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của	(525.398.064.435)	(203.978.072.075)
Nợ còn lại (a+b+d)	48.018.576.606	141.692.399.477

5.5 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	12.392.576.512	-	15.491.778.735	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của người lao động	25.585.653	-	44.124.035	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	11.609.018	-	19.213.109	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.735.053	-	30.000.000	-
Tạm ứng	11.136.562.474	-	13.197.174.666	-
Phải thu khác	1.183.084.314	-	2.201.266.925	-
Dài hạn	277.764.033	-	52.842.865	-
- Ký cược, ký quỹ	277.764.033	-	52.842.865	-
Tổng	12.670.340.545	-	15.544.621.600	-

5.6 NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó số đã dự phòng:</i>				
	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp				1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai				200.000.000
Khác				466.079.554
Tổng				1.806.356.554

5.7 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.555.004.424	-	1.234.511.379	-
Công cụ, dụng cụ	154.559.942	-	130.030.175	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	199.703.777.771	(119.456.149)	187.518.886.403	(119.456.149)
Hàng hóa	28.061.242	-	28.061.242	-
Tổng	201.441.403.379	(119.456.149)	188.911.489.199	(119.456.149)

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án khai thác và Chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (Dự án Muối Lào) (*)	156.054.741.018	156.799.554.207
Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	14.999.038.415	11.377.742.109
Các Dự án khác	28.530.542.189	19.222.133.938
Tổng	199.584.321.622	187.399.430.254

Theo thông báo số VLSC(H)/TTCL(H) - L 0 4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) - đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN – ĐTXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo qui định của hợp đồng

Tại ngày phát hành báo cáo: Chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản chấm dứt hợp đồng; các bên đang giải quyết vấn đề pháp lý khi chấm dứt hợp đồng để tiến tới quyết toán và thanh lý hợp đồng, VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng. Hiện tại Các Nhà thầu đang kiện VILACHEMSALT tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.

5.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	371.532.225	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	356.890.649	-
Chi phí khác chờ phân bổ	14.641.576	-
Dài hạn	2.041.784.052	1.228.362.713
Chi phí Công cụ, dụng cụ & khác chờ phân bổ	2.041.784.052	1.228.362.713
Tổng	2.413.316.277	1.228.362.713

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số được khấu trừ/ Phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ/ thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	58.954.749	51.974.267.228	41.248.937.999	10.784.283.978
Thuế TNDN nộp thừa	-	1.593.406.235	-	1.593.406.235
Thuế TNCN nộp thừa	-	15.868.866	1.221.228	14.647.638
Tổng	58.954.749	53.583.542.329	41.250.159.227	12.392.337.851

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.10 TĂNG GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý và tài sản khác	Tổng
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2019	16.459.594.498	12.230.516.502	11.860.717.353	3.092.115.437	43.642.943.790
Tăng trong năm	-	1.912.221.545	-	-	1.912.221.545
Mua mới trong năm	-	1.912.221.545	-	-	1.912.221.545
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	16.459.594.498	14.142.738.047	11.860.717.353	3.092.115.437	45.555.165.335
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2019	10.201.646.463	6.748.159.486	9.026.559.529	1.597.557.737	27.573.923.215
Tăng trong năm	540.093.934	1.144.307.573	1.291.213.139	164.967.917	3.140.582.563
Khấu hao trong năm	540.093.934	1.144.307.573	1.278.765.656	163.596.949	3.126.764.112
Phân loại lại	-	-	12.447.483	1.370.968	13.818.451
Giảm trong năm	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Phân loại lại	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Tại ngày 31/12/2019	10.727.921.946	7.892.467.059	10.317.772.668	1.762.525.654	30.700.687.327
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2019	6.257.948.035	5.482.357.016	2.834.157.824	1.494.557.700	16.069.020.575
Tại ngày 31/12/2019	5.731.672.552	6.250.270.988	1.542.944.685	1.329.589.783	14.854.478.008

Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 22.218.549.561 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31/12/2019 là 3.562.132.612 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm vi tính</u>	<u>Tổng</u>
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2019	1.658.166.400	4.416.750.000	6.074.916.400
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>1.658.166.400</u>	<u>4.416.750.000</u>	<u>6.074.916.400</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2019	192.104.649	3.762.749.904	3.954.854.553
Tăng trong năm	40.443.084	237.734.065	278.177.149
Khấu hao trong năm	40.443.084	237.734.065	278.177.149
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	<u>232.547.733</u>	<u>4.000.483.969</u>	<u>4.233.031.702</u>
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2019	<u>1.466.061.751</u>	<u>654.000.096</u>	<u>2.120.061.847</u>
Tại 31/12/2019	<u>1.425.618.667</u>	<u>416.266.031</u>	<u>1.841.884.698</u>

5.12 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí xây dựng, lắp đặt và sửa chữa tài sản.	1.544.376.315	2.015.171.232
Tổng	<u>1.544.376.315</u>	<u>2.015.171.232</u>

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2019 và ngày 01/01/2019 phản ánh giá trị máy móc chưa được lắp đặt xong.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.13 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Mẫu B 09 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ biểu quyết	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết						
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.216.045.227	(*)	3.193.869.296
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	1.638.000.000
Tổng				4.854.045.227		4.831.869.296

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do các Công ty này chưa niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	66.705.990.134	66.705.990.134	33.107.393.440	33.107.393.440
<i>Các bên liên quan</i>	-	-	-	-
Công ty CP CECO Hà Nội	3.417.346.999	3.417.346.999	5.930.928.912	5.930.928.912
Công ty CP DAP Số 2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	13.949.683.249	13.949.683.249	-	-
K-UTEC AG Salt Technologies	10.116.180.360	10.116.180.360	10.182.466.008	10.182.466.008
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	-	-	1.793.908.000	1.793.908.000
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	2.034.284.071	2.034.284.071	-	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-
Các đối tượng khác	33.013.685.518	33.013.685.518	13.797.280.583	13.797.280.583
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	66.705.990.134	66.705.990.134	33.107.393.440	33.107.393.440

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	186.160.221.328	213.144.482.439
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	181.811.804.911
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	25.266.521.017
Các khách hàng khác	4.348.416.417	6.066.156.511
Dài hạn	-	-
Tổng	186.160.221.328	213.144.482.439

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phát sinh tăng trong năm	Số phát giảm trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	9.430.733.839	54.620.067.262	62.357.435.943	1.693.365.158
Thuế xuất, nhập khẩu	-	11.317.045	11.317.045	-
Thuế TNDN	776.819.568	422.186.818	763.767.257	435.239.129
Thuế TNCN	110.814.461	274.458.615	295.462.135	89.810.941
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	820.926.647	820.926.647	-
Các loại thuế khác	80.629.104	210.596.938	276.613.095	14.612.947
Tổng	10.398.996.972	56.359.553.325	64.525.522.122	2.233.028.175

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	24.693.598.842	119.830.283.907
- Dự án Đạm Cà Mau	22.749.678.285	119.072.639.953
- Trích trước tiền lương phải trả các công trình	844.981.533	-
- Các Dự án, Công trình khác	149.673.820	581.092.209
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	949.265.204	176.551.745
Dài hạn	-	-
Tổng	24.693.598.842	119.830.283.907

5.18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.891.886.909	673.828.870
Kinh phí công đoàn	365.682.170	14.277.937
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	724.370.917	126.971.220
Lãi vay phải trả ngân hàng	55.810.977	131.758.358
Bảo hiểm thất nghiệp	16.782.838	7.663.220
Dư có TK 141	-	100.954.400
Phải trả khác	729.240.007	292.203.735
Dài hạn	-	-
Tổng	1.891.886.909	673.828.870



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		Trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	120.561.677.840	120.561.677.840	351.581.316.249	340.677.992.769	109.658.354.360	109.658.354.360
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	47.567.857.755	47.567.857.755	210.401.092.326	229.932.079.628	67.098.845.057	67.098.845.057
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	-	-	25.964.903.838	52.360.581.885	26.395.678.047	26.395.678.047
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Nai	11.995.746.287	11.995.746.287	26.217.246.287	24.219.280.168	9.997.780.168	9.997.780.168
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	1.748.073.798	1.748.073.798	1.748.073.798	3.126.051.088	3.126.051.088	3.126.051.088
Tổng Công ty Vận tải thủy - CTCP (3)	42.700.000.000	42.700.000.000	70.700.000.000	28.000.000.000	-	-
Công ty TNHH Liên hiệp XD Vạn Cường (3)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-	-
Vay cá nhân (3)	8.050.000.000	8.050.000.000	8.050.000.000	3.040.000.000	3.040.000.000	3.040.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	173.340.000	173.340.000	173.340.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	-	-	-	173.340.000	173.340.000	173.340.000
Vay dài hạn	-	-	-	57.760.000	57.760.000	57.760.000
NH TMCP Quân Đội - CN Hoàn Kiếm	-	-	-	57.760.000	57.760.000	57.760.000
Tổng	120.561.677.840	120.561.677.840	351.581.316.249	340.909.092.769	109.889.454.360	109.889.454.360

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6401629/HĐTD ngày 06/03/19, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 290.000.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo gồm: 01. Tài khoản tiền gửi số 0025000948404 trị giá: 1 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 02. Tài khoản tiền gửi số 0025000952558 trị giá: 2 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 03. 5 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2018/HĐTC/VCBHN-CECO ký ngày 13/08/18, giá trị 5 xe ô tô theo biên bản định giá lại tài sản tháng 7/2019 là 5.270.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2019/CTD/VCBHN-CECO ngày 30/08/19. Hạn mức tín dụng là: 13.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo gồm: 01. Tài khoản tiền gửi số 0025000948404 trị giá: 1 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 02. Tài khoản tiền gửi số 0025000952558 trị giá: 2 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 03. 5 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2018/HĐTC/VCBHN-CECO ký ngày 13/08/18, giá trị 5 xe ô tô theo biên bản định giá lại tài sản tháng 7/2019 là 5.270.000.000 đồng.

(3) Các khoản vay vốn bổ sung vốn lưu động, của pháp nhân không tính lãi, vay cá nhân với lãi suất tối đa 10,5%/năm.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Mẫu B 09 - DN/HN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Nguồn kinh phí
Số dư tại 01/01/2018	59.770.360.000	18.526.140.287	2.456.636.174	14.109.287.008	195.041.000
Tăng trong năm	-	10.742.089	4.327.316.666	-	619.920.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	4.327.316.666	-	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	619.920.000
Phân bổ vào các quỹ	-	10.742.089	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	63.600.240	110.048.473	599.931.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	599.931.000
Trích lập quỹ	-	-	63.600.240	-	-
Giảm khác	-	-	-	110.048.473	-
Số dư tại 31/12/2018	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535	215.030.000
Số dư tại 01/01/2019	59.770.360.000	18.536.882.376	6.720.352.601	13.999.238.535	215.030.000
Tăng trong năm	-	-	746.679.403	-	234.970.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	746.679.403	-	-
Nhà nước cấp kinh phí	-	-	-	-	234.970.000
Giảm trong năm	-	-	-	(526.665.103)	450.000.000
Sử dụng nguồn kinh phí được cấp	-	-	-	-	450.000.000
Giảm khác	-	-	-	(526.665.103)	-
Số dư tại 31/12/2019	59.770.360.000	18.536.882.376	7.467.032.004	14.525.903.638	-

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2019 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%	23.817.210.000
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%	3.139.410.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	63.600.240

d) Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.536.882.376	18.536.882.376
Tổng	18.536.882.376	18.536.882.376

5.21 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của Cổ đông không kiểm soát	12.956.500.000	12.956.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	501.472.020	501.472.020
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.067.931.618	541.266.515
Tổng	14.525.903.638	13.999.238.535

5.22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2019	01/01/2019
Ngoại tệ (USD)	1.147	6.834
Ngoại tệ (LAK)	100	100
Ngoại tệ (EUR)	2.472	380

5.23 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	290.692.498.766	370.243.867.056
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế, đánh giá môi trường	38.711.278.736	30.331.977.478
Doanh thu Bán hàng	782.439.000	-
Doanh thu thi công và cho thuê nhà	4.850.543.364	3.461.524.070
Tổng	335.036.759.866	404.037.368.604
Các khoản giảm trừ doanh thu (<i>chiếu khấu bán hàng</i>)	-	47.915.116
Doanh thu thuần	335.036.759.866	403.989.453.488

5.24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	285.640.766.504	334.731.655.455
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế, đánh giá môi trường	19.593.084.232	35.325.967.357
Giá vốn bán hàng	622.857.111	-
Giá vốn thi công và cho thuê nhà	2.499.787.550	2.877.491.565
Tổng	308.356.495.397	372.935.114.377

5.25 DOANH THU / CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Doanh thu tài chính		
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.869.105.624	2.464.837.325
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.377.648	203.386.466
Tổng	1.939.483.272	2.668.223.791
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	10.448.070.073	2.166.508.892
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.189.552	32.856.831
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	118.732.671	25.507.928
Chi phí tài chính khác	-	1.633.198
Tổng	10.570.992.296	2.226.506.849
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(8.631.509.024)	441.716.942

5.26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.570.667.119	10.863.067.703
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	359.909.697	356.864.789
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	553.889.481	1.147.151.303
Thuế, phí, lệ phí	830.926.647	1.282.235.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi bằng tiền khác	8.104.968.870	11.901.618.777
Tổng	18.420.361.814	25.550.937.786

5.27 THU NHẬP KHÁC / CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.943.181.818	48.955.687
Thu hợp tác sản xuất của CN Hồ Chí Minh	504.000.000	-
Xử lý nợ phải trả	-	81.322.000
Thu nhập cho thuê văn phòng	-	298.406.229
Các khoản khác	209.059.420	497.276.855
Tổng	2.656.241.238	925.960.771
Chi phí khác		
Tiền thuê nhà CN Hồ Chí Minh	487.303.668	-
Các khoản phạt và lãi chậm nộp	32.365.105	273.232.116
Chi phí khác	91.610.703	601.981.686
Tổng	611.279.476	875.213.802
Lãi (lỗ) hoạt động khác	2.044.961.762	50.746.969

5.28 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.695.531.324	6.007.967.050
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận chịu thuế TNDN	415.402.765	927.600.820
- Các khoản điều chỉnh tăng	415.402.765	927.600.820
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	2.110.934.089	6.935.567.870
<i>Thuế suất</i>	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	422.186.818	1.387.113.574

5.29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	746.679.403	4.327.316.666
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	746.679.403	4.327.316.666
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	5.977.036	5.977.036
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	125	724

5.30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	229.351.649.060	223.382.747.509
Chi phí nhân công	48.786.879.494	36.786.129.963
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.404.941.261	4.311.639.657
Chi phí phải trả đã trích	22.749.678.285	119.734.993.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.945.179.018	49.771.716.762
Chi phí khác bằng tiền	4.415.424.486	2.764.408.527
Tổng	350.653.751.604	436.751.635.914

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Hội đồng Quản trị	Thù lao	-	200.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	-	72.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	573.351.809	1.480.692.380

Giao dịch với các bên liên quan

<u>Giao dịch với bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Năm 2019</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2018</u> <u>VND</u>
Giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	19.690.000	246.454.091
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	1.354.428.449	449.991.818
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.784.438.845
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	-	656.576.000
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	-	1.203.013.045
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.375.818.182
Giao dịch mua hàng			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ	487.303.668	589.090.909
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ	4.166.687.323	8.249.924.130

Số dư các bên liên quan

<u>Số dư với các bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2019</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2019</u> <u>VND</u>
Công ty CP DAP số 2 - Vinachem	Phải thu khách hàng	37.406.795.821	37.406.795.821
	Phải trả người bán	-	1.402.809.937
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
	Người mua trả tiền trước	-	195.828.618
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	91.529.400	-
	Người mua trả tiền trước	-	195.828.618
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	181.811.804.911
	Phải trả người bán	3.417.346.999	5.930.928.912
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	-	1.586.590.000
	Phải thu khác	-	1.586.590.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận

a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình; và
- Các hoạt động khác./.

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2019 như sau:

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
31/12/2019				
Tài sản của bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)	312.855.826.581
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.216.045.227	-	-	3.216.045.227
Tài sản không phân bổ				272.848.145.298
Tổng tài sản				588.920.017.106
Nợ phải trả của bộ phận	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)	242.557.417.210
Nợ phải trả không phân bổ				247.098.560.453
Tổng nợ phải trả				489.655.977.663
Năm kết thúc ngày 31/12/2019				
Chi tiêu vốn				1.912.221.545
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				3.126.764.112
Khấu hao tài sản cố định vô hình				278.177.149

Đơn vị tính: VND

1-17 2-18-2019 15:11

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Năm kết thúc ngày 31/12/2019				
Tổng doanh thu của bộ phận	294.520.627.901	44.562.442.918	(4.046.310.953)	335.036.759.866
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.051.732.262	21.846.714.025	(218.181.818)	26.680.264.469
Chi phí không phân bổ				(27.051.870.838)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh				(371.606.369)
Thu nhập khác				2.656.241.238
Chi phí khác				(611.279.476)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết				22.175.931
thuế thu nhập doanh nghiệp				(422.186.818)
Lợi nhuận thuần sau thuế				1.273.344.506

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận theo từng đơn vị tại 31/12/2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
31/12/2018				
Tài sản của bộ phận	309.643.058.425	25.457.660.154	(22.244.891.998)	312.855.826.581
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	3.193.869.296	-	-	3.193.869.296
Tài sản không phân bổ				272.848.145.298
Tổng tài sản				588.897.841.175
Nợ phải trả của bộ phận	242.033.114.318	5.700.694.890	(5.176.391.998)	242.557.417.210
Nợ phải trả không phân bổ				247.098.560.453
Tổng nợ phải trả				489.655.977.663
Năm kết thúc ngày 31/12/2018				
Chỉ tiêu vốn				2.151.812.325
Khấu hao tài sản cố định hữu hình				3.771.880.514
Khấu hao tài sản cố định vô hình				538.636.416

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

Hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	Các hoạt động khác	Loại trừ	Hợp nhất
Năm kết thúc ngày 31/12/2018			
Tổng doanh thu của bộ phận	33.793.501.548	(6.283.841.976)	403.989.453.488
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(4.409.957.374)	(47.915.116)	31.054.339.111
Chi phí không phân bổ			(25.109.220.844)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			5.945.118.267
Thu nhập khác			925.960.771
Chi phí khác			(875.213.802)
Phần chia lợi nhuận của công ty liên kết			12.101.814
thuế thu nhập doanh nghiệp			(1.387.113.574)
Lợi nhuận thuần sau thuế			4.620.853.476

b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước Cộng hòa DCND Lào		Hợp nhất	
	Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31/12/2019	31/12/2018	Tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	31/12/2018	Tại ngày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019	31/12/2018
Doanh thu của bộ phận	335.036.759.866	403.989.453.488	156.054.741.018	156.799.554.207	335.036.759.866	403.989.453.488
Tài sản của bộ phận	316.431.399.154	357.784.000.833			472.486.140.172	514.583.555.040
Tài sản không phân bổ					34.395.104.423	74.314.286.135
Chi tiêu vốn					1.912.221.545	2.151.812.325

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Tuyết Chinh



Đinh Đức Bộ



Nguyễn Công Thắng



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Chemical Industry Engineering Joint stock Company.

Tên viết tắt: CECO

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thủy Nguyên	Ủy viên từ 01/01/2019 - 6/5/2019 - Bổ nhiệm Chủ tịch từ ngày 07/05/2019
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch từ 01/01/2019- 06/05/2019 - Bổ nhiệm Phó Chủ tịch từ 07/05/2019
Ông Vũ Minh Ngọc	Ủy viên từ 25/04/2019
Ông Đỗ Hiên Ngang	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019
Ông Đinh Đức Bộ	Ủy viên từ 01/01/2019 đến 25/04/2019

Ban kiểm soát

Bà Trương Thanh Vân	Trưởng ban từ 01/01/2019-23/12/2019
Ông Trần Thị Minh Trang	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thu	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Công Thắng	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 29/10/2019
Ông Văn Đức Thắng	Phó Giám đốc
Ông Lưu Ngọc Vĩnh	Phó Giám đốc Bổ nhiệm từ 08/10/2019.
Bà Nguyễn Hồng Hạnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng để Báo cáo tài chính riêng không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Công Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Số: 297/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2019
của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được lập ngày 25 tháng 3 năm 2020, từ trang số 6 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, Ngày 25 tháng 3 năm 2020

Bùi Thị Thúy**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		418.975.862.648	522.927.265.977
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	24.182.938.136	66.838.157.467
1. Tiền	111		1.000.155.858	48.814.833.993
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.182.782.278	18.023.323.474
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		203.667.294.690	284.080.418.022
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	111.272.763.885	64.296.188.861
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	30.767.975.810	62.338.306.231
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	5.4	48.018.576.606	141.692.399.477
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	3.466.458.334	3.224.458.334
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	11.947.876.609	14.335.421.673
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.806.356.554)	(1.806.356.554)
IV. Hàng tồn kho	140		178.483.209.984	172.008.690.488
1. Hàng tồn kho	141	5.8	178.483.209.984	172.008.690.488
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.642.419.838	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	254.699.894	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.10	10.784.283.978	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.603.435.966	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		23.780.147.364	25.119.654.730
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.013.647.364	3.215.778.953
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	1.597.381.333	2.561.778.857
- Nguyên giá	222		18.988.514.474	18.988.514.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.391.133.141)	(16.426.735.617)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	416.266.031	654.000.096
- Nguyên giá	228		4.416.750.000	4.416.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.000.483.969)	(3.762.749.904)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	21.766.500.000	21.766.500.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		17.068.500.000	17.068.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.060.000.000	3.060.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.638.000.000	1.638.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	137.375.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	-	137.375.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		442.756.010.012	548.046.920.707

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		359.171.559.702	464.532.886.156
I. Nợ ngắn hạn	310		359.171.559.702	464.532.886.156
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	48.188.651.154	29.357.505.957
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	185.387.415.604	210.357.261.789
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	467.243.296	9.336.580.168
4. Phải trả người lao động	314		1.776.284.912	1.718.309.689
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	23.076.223.986	119.734.993.496
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	1.507.882.995	533.711.953
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	98.767.857.755	93.494.523.104
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		83.584.450.310	83.514.034.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	83.584.450.310	83.514.034.551
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		59.770.360.000	59.770.360.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.930.720.095	17.930.720.095
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.883.370.215	5.812.954.456
- LNST chưa phân phối LK đến cuối kỳ trước	421a		5.812.954.456	1.743.555.890
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.415.759	4.069.398.566
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		442.756.010.012	548.046.920.707

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	268.358.897.246	364.428.119.153
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	-	47.915.116
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	268.358.897.246	364.380.204.037
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	248.490.744.533	339.977.911.560
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.868.152.713	24.402.292.477
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	2.175.816.399	3.253.897.967
7. Chi phí tài chính	22	5.24	9.439.879.041	1.566.089.944
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.316.956.818	1.322.172.906
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	14.483.220.605	21.339.462.872
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(1.879.130.534)	4.750.637.628
11. Thu nhập khác	31	5.26	2.646.370.037	848.774.093
12. Chi phí khác	32	5.26	578.116.000	494.556.088
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.068.254.037	354.218.005
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		189.123.503	5.104.855.633
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	118.707.744	1.035.457.067
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		70.415.759	4.069.398.566

Người lập biểu



Nguyễn Tuyết Chinh

Kế toán trưởng



Đinh Đức Bộ

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Công Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		189.123.503	5.104.855.633
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1.202.131.589	1.927.550.466
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.544.575	(175.320.800)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.048.620.569)	(3.050.511.501)
- Chi phí lãi vay	06		9.316.956.818	1.322.172.906
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.712.135.916	5.128.746.704
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		67.400.630.300	(174.839.181.480)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6.474.519.496)	(4.486.706.897)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(110.736.211.039)	65.574.701.808
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(117.324.117)	48.987.515
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.265.335.393)	(1.190.414.548)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(485.730.182)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		506.065.344	6.234.498.159
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		487.303.668	(6.638.223.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(51.972.984.999)	(110.167.592.242)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.943.181.818	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.120.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.071.991.425
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.105.438.751	2.595.153.238
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.048.620.569	7.787.144.663
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		315.565.996.164	151.769.002.854
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(310.292.661.513)	(58.274.479.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.273.334.651	93.494.523.104
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(42.651.029.779)	(8.885.924.475)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.838.157.467	75.724.081.942
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.189.552)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	24.182.938.136	66.838.157.467

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Tuyết Chinh

Đinh Đức Bộ

Nguyễn Công Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam). Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định 3493/QĐ-BCN ngày 24/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp (nay là Bộ Công Thương).

Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100103520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 24 tháng 06 năm 2019.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 59.770.360.000 đồng. Cổ đông Sở hữu vốn trong Công ty tại ngày chốt danh sách 05/03/2020:

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VĐL (3*Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CHEMICAL INDUSTRY ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: CECO

Trụ sở chính : Số 21A, Phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UpCOM với mã CEC.

Số lao động bình quân trong năm 2019 là : 97 người (tại 01/01/2019 là 158 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 010301996 ngày 24/02/2006 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 24/06/2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình ngành hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp liên quan có qui mô vừa và nhỏ (bao gồm cả thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu, thiết bị và cung ứng vật tư, thiết bị, thi công lắp đặt, hiệu chỉnh và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện, tự động và đo lường điều khiển cho các công trình công nghiệp và dân dụng); Xây dựng các công trình điện, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: sản xuất sản phẩm hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính (Tiếp theo)

- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110KV; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị điện, đường dây truyền tải và TBA đến 500KV; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế lắp đặt thiết bị công trình, lắp đặt thiết bị công nghệ hóa dầu công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hòa không khí công trình công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy; Thiết kế và chế tạo thiết bị ngành hóa chất; Khảo sát, thiết kế các công trình ngành hóa chất, các công trình công nghiệp và dân dụng; Tư vấn đầu tư và phát triển công nghiệp hóa chất; Tư vấn xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp đến 35KV; Thẩm tra các dự án đầu tư, các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán, tổng dự toán công trình xây dựng (hoạt động theo chứng chỉ hành nghề), các báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Tư vấn đầu tư xây dựng và tư vấn giám sát thi công công trình điện, công trình đường dây và trạm biến áp (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề); Tư vấn bảo hành, bảo dưỡng các loại thiết bị trong lĩnh vực hóa chất, hóa dầu và các ngành công nghiệp khác; Kiểm tra, kiểm định và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng công nghiệp hóa chất, hóa dầu và liên quan; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Thực hiện đề tài nghiên cứu, khai thác các phát minh sáng chế, giải pháp hữu ích, dịch vụ và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất và bảo vệ môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ và thiết bị tiên tiến vào thiết kế các công trình công nghiệp hóa chất và biện pháp bảo vệ môi trường;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường trong ngành công nghiệp hóa chất và liên quan; Xử lý chất thải công nghiệp; Đánh giá tác động môi trường; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước; Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Xây dựng biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Lập đề án bảo vệ môi trường; Lập bản cam kết bảo vệ môi trường; Dịch vụ quan trắc môi trường; Tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tiếp thị, xúc tiến đầu tư và thương mại; Cung ứng vật tư, thiết bị công trình công nghiệp; Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra và đo lường các chỉ số môi trường (ô nhiễm không khí và nước...)

Trong năm 2019, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Tư vấn đầu tư và phát triển ngành công nghiệp hóa chất gồm tư vấn lập dự án; khảo sát thiết kế các công trình ngành công nghiệp hóa chất, công trình ngành công nghiệp khác liên quan; tổng thầu EPC xây dựng các công trình ngành công nghiệp hóa chất; thi công đại tu, sửa chữa, gia cố, sơn bọc lót chống ăn mòn kết cấu...; Quản lý dự án ĐTXD công trình; thực hiện các đề tài nghiên cứu; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường...

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Góp vốn	Hoạt động chính	Vốn đầu tư (VND)	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	3.060.000.000	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	12.408.500.000	55,33%	55,33%
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hóa học	1.600.000.000	100,00%	100,00%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Xây dựng công trình	3.060.000.000	36,40%	36,40%
Đầu tư khác				
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		1.638.000.000	1,14%	1,14%

Các Chi nhánh trực thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Địa chỉ: Số 37/76 - Trần Đình Xu - TP Hồ Chí Minh

Các chi nhánh đã tiến hành giải thể tình hình giải thể như sau:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp hóa chất tại Hà Nội

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 11/06/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Phú Thọ

Đã hoàn thành thủ tục đóng MST ngày 01/07/2019

- Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng

Số 1/70 Văn Cao, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất ra Quyết định số 386/QĐ-CECO về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần thiết Kế Công nghiệp Hóa chất tại Hải Phòng từ ngày 01/01/2016. Chi nhánh Hải Phòng đã ngừng hoạt động và đang làm thủ tục đóng mã số thuế.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do bộ tài chính ban hành và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

• Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền (Tiếp theo)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

• Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chưa đi vào hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi tài sản cố định hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (sau khi bù trừ số chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính, thời gian phân bổ tối đa là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

• Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng khi giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành, Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là giá mua của Phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc, thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ văn phòng	03 - 08

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước.

Chi phí trả trước dài hạn là Công cụ dụng cụ đã xuất dùng nhưng chưa phân bổ hết vào kết quả sản xuất kinh doanh và có thời gian phân bổ thông thường không quá 3 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc kế toán Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là: các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là tư vấn thiết kế, giám sát thi công, hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Công ty không phân tách các hoạt động do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	113.834.516	787.993.847
Tiền gửi ngân hàng	886.321.342	48.026.840.146
Các khoản tương đương tiền	23.182.782.278	18.023.323.474
Tổng	24.182.938.136	66.838.157.467

5.2 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	111.272.763.885	64.296.188.861
<i>Các bên liên quan</i>		
- Công ty CP DAP số 2	37.406.795.821	37.406.795.821
- Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.890.562.302	3.890.562.302
<i>Bên khác</i>		
- CN Công ty CP Phân bón dầu khí Cà Mau - Ban QLDA CN	59.153.640.537	-
- Công ty Cổ phần Phốt pho Apatit Việt Nam	-	9.762.673.557
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	816.604.937
- Công ty liên doanh SUCHEL TBV S.A	1.923.378.971	-
- Các khách hàng khác	8.898.386.254	12.419.552.244
Dài hạn	-	-
Tổng	111.272.763.885	64.296.188.861

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	30.767.975.810	62.338.306.231
Công ty Cổ phần Cơ khí xây dựng AMECC	-	11.742.636.850
Công ty Cổ phần lắp máy & xây dựng Sài Gòn	5.685.869.182	7.953.287.146
Công ty Cổ phần tư vấn Thiết kế DK	-	7.447.127.325
Công ty TNHH cung ứng CAD	-	5.401.783.288
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	-	3.607.172.878
Công ty IMECO	-	2.732.723.140
Công ty TNHH YOKOGAWA Việt Nam	-	2.689.830.000
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	-	2.516.910.000
HAZEMAG & EPR GmbH	-	2.187.191.748
Công ty cổ phần ECOWISE	7.994.456.250	1.598.891.250
Công ty TNHH vận tải và Dịch vụ VT3	7.075.254.225	1.273.781.868
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và xây dựng Mỏ	2.227.744.187	2.227.744.187
Công ty CP Máy và Thiết bị CN hóa chất VN	1.880.533.402	-
Các nhà cung cấp khác	5.904.118.564	10.959.226.551
Dài hạn	-	-
Tổng	30.767.975.810	62.338.306.231

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Lũy kế giá vốn hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (a)	556.178.492.078	327.385.938.117
Lợi nhuận ước tính (b) = (c) - (a)	17.238.148.963	18.284.533.435
Lũy kế doanh thu hợp đồng xây dựng dở dang ghi nhận tại thời điểm cuối năm (c)	573.416.641.041	345.670.471.552
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng (d)	(525.398.064.435)	(203.978.072.075)
Nợ còn lại (a+b+d)	48.018.576.606	141.692.399.477

5.5 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	3.466.458.334	3.224.458.334
<i>Bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam (Lãi suất 8%/năm)	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Bên khác</i>		
Phải thu lãi cho vay	466.458.334	224.458.334
Tổng	3.466.458.334	3.224.458.334

5.6 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019 VND		01/01/2019 VND	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	11.947.876.609	-	14.335.421.673	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	457.681.667	-	763.681.667	-
- Tạm ứng cho nhân viên	10.235.404.474	-	11.648.174.666	-
- Phải thu tiền thuế TNCN của người lao động	25.585.653	-	33.202.068	-
- Phải thu bảo hiểm xã hội	11.609.018	-	19.213.109	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.735.053	-	30.000.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng	55.922.454	-	-	-
- Phải thu khác	1.125.938.290	-	1.841.150.163	-
Dài hạn	-	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-	-
Tổng	11.947.876.609	-	14.335.421.673	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.7 NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	1.806.356.554	-	1.806.356.554	-
<i>Trong đó:</i>				
Thời gian quá hạn				Trên 3 năm
Công ty TNHH Hóa mỹ phẩm Hòa Hợp	-	-	-	1.140.277.000
Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai	-	-	-	200.000.000
Các khách hàng khác	-	-	-	466.079.554

5.8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	178.483.209.984	-	172.008.690.488	-
Tổng	178.483.209.984	-	172.008.690.488	-

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	178.483.209.984	172.008.690.488
- Dự án khai thác và chế biến muối mỏ tại Huyện Nongbok, Tỉnh Khammuane, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ("Dự án Muối Lào")	156.054.741.018	153.701.565.350
- Dự án xây dựng Nhà máy DAP 2	14.999.038.415	11.377.742.109
- Dự án khác	7.429.430.551	6.929.383.029
Tổng	178.483.209.984	172.008.690.488

(*) Theo thông báo số VLCS(H)/TTCL(H)-L-4145 ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Hoá chất và Muối mỏ Việt Lào (VILACHEMSALT) – Đại diện chủ đầu tư Dự án Muối Lào thực hiện theo yêu cầu tại văn bản số 1169/HCVN-ĐTĐXD ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, VILACHEMSALT thông báo tạm ngừng thực hiện Dự án Muối Lào theo quy định của Hợp đồng.

Tại ngày phát hành báo cáo: Chủ đầu tư và nhà thầu đã có văn bản chấm dứt hợp đồng; các bên đang giải quyết vấn đề pháp lý khi chấm dứt hợp đồng để tiến tới quyết toán và thanh lý hợp đồng, VILACHEMSALT đã trả trước cho CECO số tiền 181.811.804.911 đồng. Hiện tại Các Nhà thầu đang kiện VILACHEMSALT tại Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	254.699.894	-
- Chi phí Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	254.699.894	
Dài hạn	-	137.375.777
- Chi phí công cụ dụng cụ	-	137.375.777
Tổng	254.699.894	137.375.777

5.10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào	-	48.890.818.938	38.106.534.960	10.784.283.978
Thuế GTGT đầu ra	-	1.593.406.235	-	1.593.406.235
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		10.029.731	-	10.029.731
Tổng	-	50.494.254.904	38.106.534.960	12.387.719.944

5.11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng
<i>Nguyên giá</i>					
Tại ngày 01/01	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12	7.481.623.299	417.267.272	9.539.612.830	1.550.011.073	18.988.514.474
<i>Hao mòn lũy kế</i>					
Tại ngày 01/01	7.041.908.741	417.267.272	7.563.526.712	1.404.032.892	16.426.735.617
Tăng trong năm	62.841.007	-	828.469.151	86.905.817	978.215.975
Trích khấu hao	62.841.007	-	816.021.668	85.534.849	964.397.524
Phân loại lại		-	12.447.483	1.370.968	13.818.451
Giảm trong năm	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Phân loại lại	13.818.451	-	-	-	13.818.451
Tại ngày 31/12	7.090.931.297	417.267.272	8.391.995.863	1.490.938.709	17.391.133.141
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày 01/01	439.714.558	-	1.976.086.118	145.978.181	2.561.778.857
Tại ngày 31/12	390.692.002	-	1.147.616.967	59.072.364	1.597.381.333

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại 31/12/2019: 16.792.549.561 đồng (tại 01/01/2019 là 9.953.739.737 đồng).

Nguyên giá và giá trị còn lại tại 31/12/2019 để cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt 7.300.302.221 đồng và 1.143.132.612 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
<i>Nguyên giá</i>		
Tại ngày 01/01	4.416.750.000	4.416.750.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.416.750.000	4.416.750.000
<i>Hao mòn lũy kế</i>		
Tại ngày 01/01	3.762.749.904	3.762.749.904
Tăng trong năm	237.734.065	237.734.065
Trích khấu hao	237.734.065	237.734.065
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12	4.000.483.969	4.000.483.969
<i>Giá trị còn lại</i>		
Tại ngày 01/01	654.000.096	654.000.096
Tại ngày 31/12	416.266.031	416.266.031

Nguyên giá TSCĐ vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn giá trị sử dụng: 3.593.950.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.13 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

MÃU B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

	Tỷ lệ		31/12/2019		01/01/2019		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn năm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
				Dự phòng	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con							
Công ty CP Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	1.240.850	55,33%	55,33%	17.068.500.000	(*)	17.068.500.000	(*)
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	306.000	51,00%	51,00%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
Trung tâm Phát triển công nghệ CECO		100%	100%	1.600.000.000	(*)	1.600.000.000	(*)
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết							
Công ty CP Ceco Hà Nội	306.000	36,4%	36,4%	3.060.000.000	(*)	3.060.000.000	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác							
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	163.800	1,14%	1,14%	1.638.000.000	(*)	1.638.000.000	(*)
Tổng				21.766.500.000		21.766.500.000	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do các Công ty này chưa niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	48.188.651.154	48.188.651.154	29.357.505.957	29.357.505.957
<i>Các bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	3.417.346.999	3.417.346.999	5.930.928.912	5.930.928.912
- Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	-	-	411.726.000	411.726.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	-	-	771.072.092	771.072.092
- Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	-	-	29.300.000	29.300.000
<i>Bên khác</i>				
K-UTECH AG Salt Technologies	10.116.180.360	10.116.180.360	10.182.466.008	10.182.466.008
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	13.949.683.249	13.949.683.249	-	-
Công ty TNHH kỹ thuật Tiêu Điểm	2.772.000.000	2.772.000.000	-	-
TSUBACO SINGAPORE PTE LTD	-	-	1.793.908.000	1.793.908.000
Công ty cổ phần bê tông Sài Gòn	2.333.765.930	2.333.765.930	1.732.422.292	1.732.422.292
Công ty CP DAP2 - Vinachem	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937	1.402.809.937
Công ty CP Thiết bị và truyền thông NGS	2.034.284.071	2.034.284.071	-	-
Các nhà cung cấp khác	12.162.580.608	12.162.580.608	7.102.872.716	7.102.872.716
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	48.188.651.154	48.188.651.154	29.357.505.957	29.357.505.957

5.15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
Ngắn hạn	185.387.415.604		210.357.261.789	
<i>Bên liên quan</i>				
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	181.811.804.911	181.811.804.911		
<i>Khách hàng khác</i>				
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	-	25.266.521.017	25.266.521.017
Các khách hàng khác	3.575.610.693	3.575.610.693	3.278.935.861	3.278.935.861
Dài hạn	-		-	
Tổng	185.387.415.604		210.357.261.789	

5.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	8.775.970.915	50.485.426.548	58.960.784.316	300.613.147
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.121.009	3.121.009	-
Thuế TNDN	498.782.465	118.707.744	485.730.182	131.760.027
Thuế thu nhập cá nhân	61.826.788	137.844.715	164.801.381	34.870.122
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	820.926.647	820.926.647	-
Các loại thuế khác	-	203.810.812	203.810.812	-
Tổng	9.336.580.168	51.769.837.475	60.639.174.347	467.243.296

5.17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	23.076.223.986	119.734.993.496
Trích trước chi phí các công trình		
- Dự án Đạm Cà Mau	22.749.678.285	119.072.639.953
- Các dự án khác	200.948.831	581.092.209
Trích trước chi phí điện, nước, phí dịch vụ chuyên môn và chi phí lãi vay	125.596.870	81.261.334
Dài hạn	-	-
Tổng	23.076.223.986	119.734.993.496

5.18 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	1.507.882.995	533.711.953
Kinh phí công đoàn	245.446.552	6.803.849
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	474.809.520	12.022.920
Lãi vay phải trả ngân hàng	55.810.977	131.758.358
Dư có tài khoản tạm ứng	-	100.954.400
Phải trả khác	731.815.946	282.172.426
Dài hạn	-	-
Tổng	1.507.882.995	533.711.953

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÁU B 09 - DN

5.19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
Vay ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Đình (1)	98.767.857.755	98.767.857.755	315.565.996.164	310.292.661.513	93.494.523.104
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (2)	47.567.857.755	47.567.857.755	210.401.092.326	229.932.079.628	67.098.845.057
Tổng công ty Vận tải thủy - CTCP (3)	42.700.000.000	42.700.000.000	70.700.000.000	28.000.000.000	-
Công ty TNHH Liên hiệp XD Vạn Cường (3)	8.500.000.000	8.500.000.000	8.500.000.000	-	-
Vay dài hạn					
	-	-	-	-	-
Tổng	98.767.857.755	98.767.857.755	315.565.996.164	310.292.661.513	93.494.523.104

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/6401629/HĐTD ngày 06/03/19, hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 290.000.000.000 VND. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hình thức vay có đảm bảo bằng tài sản của Công ty.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2019/CTD/VCBHN-CECO ngày 30/08/19. Hạn mức tín dụng là: 13.000.000.000 VND. Mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn và lãi suất cho vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo bao gồm: 01. Tài khoản tiền gửi số 0025000948404 trị giá: 1 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 02. Tài khoản tiền gửi số 0025000952558 trị giá: 2 tỷ VND mở tại Vietcombank - CN Hà Nội; 03. 5 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 01/2018/HĐTC/VCBHN-CECO ký ngày 13/08/18, giá trị 5 xe ô tô theo biên bản định giá lại tài sản tháng 7/2019 là 5.270.000.000 đồng.

(3) Các khoản vay vốn bổ sung vốn lưu động, không tính lãi.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Vốn đã ghi nhận
				31/12/2019 VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	1.787.492	17.874.920.000	29,91%	17.874.920.000
Công ty TNHH Liên hiệp Xây dựng Vạn Cường	1.485.882	14.858.820.000	24,86%	14.858.820.000
Công ty Cổ phần quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam	8.000	80.000.000	0,13%	80.000.000
Cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% VDL (3 Cổ đông)	2.381.721	23.817.210.000	39,85%	23.817.210.000
Các cổ đông khác	313.941	3.139.410.000	5,25%	3.139.410.000
Tổng	5.977.036	59.770.360.000	100,00%	59.770.360.000

b. Cổ phiếu

	31/12/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.977.036	5.977.036
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.977.036	5.977.036
Cổ phiếu phổ thông	5.977.036	5.977.036

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	59.770.360.000	59.770.360.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	59.770.360.000	59.770.360.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.930.720.095	17.930.720.095
Tổng	17.930.720.095	17.930.720.095

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

e. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Tại ngày 01/01/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	1.743.555.890	79.444.635.985
Tăng trong năm	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
Lợi nhuận sau thuế	-	-	4.069.398.566	4.069.398.566
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551
Tại ngày 01/01/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.812.954.456	83.514.034.551
Tăng trong năm	-	-	70.415.759	70.415.759
Lợi nhuận sau thuế	-	-	70.415.759	70.415.759
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	59.770.360.000	17.930.720.095	5.883.370.215	83.584.450.310

Đơn vị tính: VND

MẪU B 09 - DN

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
<i>Ngoại tệ</i>		
USD	1.147	6.834
LAK	100	100
EUR	2.472	380

5.22 DOANH THU

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	227.746.169.489	334.124.576.663
Doanh thu hoạt động tư vấn thiết kế	35.544.002.575	27.855.815.220
Doanh thu thi công và cho thuê nhà	5.068.725.182	2.447.727.270
Tổng	268.358.897.246	364.428.119.153
Các khoản giảm trừ (<i>giảm giá hàng bán</i>)	-	47.915.116
Tổng	268.358.897.246	364.380.204.037

5.23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn hoạt động thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình	228.792.553.961	304.549.814.053
Giá vốn hoạt động tư vấn thiết kế	17.198.403.022	32.550.605.942
Giá vốn thi công và cho thuê nhà	2.499.787.550	2.877.491.565
Tổng	248.490.744.533	339.977.911.560

5.24 DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>		
Lãi tiền gửi và cho vay	2.105.438.751	2.683.311.501
Cổ tức được chia	-	367.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.377.648	203.386.466
Tổng	2.175.816.399	3.253.897.967
<i>Chi phí hoạt động tài chính</i>		
Chi phí lãi vay	9.316.956.818	1.322.172.906
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.189.552	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	118.732.671	25.507.928
Lỗ do rút vốn vào Công ty con	-	218.409.110
Tổng	9.439.879.041	1.566.089.944
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính	(7.264.062.642)	1.687.808.023

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.25 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	14.483.220.605	21.339.462.872
Chi phí nhân viên quản lý	6.955.886.297	9.009.374.367
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	129.781.648	199.923.592
Chi phí khấu hao TSCĐ	277.153.821	869.292.916
Thuế, phí, lệ phí	824.926.647	1.272.781.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.295.472.192	9.988.090.965
Tổng	14.483.220.605	21.339.462.872

5.26 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định, vật tư	1.943.181.818	-
Thu hợp tác sản xuất của CN Hồ Chí Minh	504.000.000	-
Xử lý nợ phải trả	-	81.322.000
Thu từ cho thuê văn phòng	-	420.000.000
Thu nhập khác	199.188.219	347.452.093
Tổng	2.646.370.037	848.774.093
Chi phí khác		
Tiền thuê nhà CN Hồ Chí Minh	487.303.668	-
Chi phí khác	90.812.332	494.556.088
Tổng	578.116.000	494.556.088
Lãi (lỗ) hoạt động khác	2.068.254.037	354.218.005

5.27 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	188.123.503	5.104.855.633
<i>Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường</i>	<i>188.123.503</i>	<i>5.104.855.633</i>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	405.415.218	439.629.702
Điều chỉnh giảm do thu nhập được miễn thuế	-	(367.200.000)
Lợi nhuận chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	593.538.721	5.177.285.335
Thuế suất áp dụng hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	118.707.744	1.035.457.067

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.28 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	191.301.871.565	200.826.564.163
Chi phí nhân công	29.248.113.483	25.198.811.930
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.202.131.589	1.927.550.466
Chi phí phải trả đã trích	22.749.678.285	119.734.993.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.250.257.300	40.263.554.459
Tổng	275.752.052.222	387.951.474.514

6. CÁC THÔNG TIN KHÁC**6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Giao dịch với các nhân sự chủ chốt*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Hội đồng quản trị	Thù lao	-	200.000.000
Ban kiểm soát	Thù lao	-	72.000.000
Ban Giám đốc	Tổng thu nhập	573.351.809	1.480.692.380

Số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP DAP số 2	Phải thu khách hàng	37.406.795.821	37.406.795.821
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	Phải thu khách hàng	3.890.562.302	3.890.562.302
Công ty Cổ phần Supe Phốt Phát và Hóa chất Lâm Thao	Phải thu khách hàng	91.529.400	-
	Người mua trả tiền trước	-	195.828.618
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Phải thu khách hàng	120.000.000	-
	Trả trước cho người bán	54.106.724	-
	Phải trả người bán	-	771.072.092
Công ty TNHH Hóa chất và Muối mỏ Việt Lào	Người mua trả tiền trước	181.811.804.911	181.811.804.911
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Phải thu về cho vay	3.000.000.000	3.000.000.000
	Phải trả người bán	-	614.061.237
	Phải thu khác	924.140.001	682.140.001
	Trả trước cho người bán	1.880.533.402	-
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Phải trả người bán	3.417.346.999	5.930.928.912
	Phải thu khác	-	1.586.590.000
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Phải thu khác	10.748.939	12.318.668
	Phải thu khách hàng	45.000.000	-
	Người mua trả tiền trước	-	67.500.000
	Phải trả người bán	-	29.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Giao dịch với bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Cung cấp dịch vụ	218.181.818	163.636.364
Công ty Cổ phần DAP số 2	Cung cấp dịch vụ	19.690.000	-
Công ty Cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	Cung cấp dịch vụ	1.354.428.449	449.991.818
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.784.438.845
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	Cung cấp dịch vụ	-	1.203.013.045
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	-	1.375.818.182
Trung tâm phát triển công nghệ CECO	Cung cấp dịch vụ	81.818.182	92.936.307
Giao dịch mua hàng			
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Sử dụng dịch vụ thuê văn phòng CN HCM	487.303.668	589.090.909
Công ty Cổ phần CECO Hà Nội	Sử dụng dịch vụ thi công	4.166.687.323	8.249.924.130
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Sử dụng dịch vụ thi công, sửa chữa	-	687.008.506
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Mua hàng hóa	3.702.910.953	5.228.445.626
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Sử dụng dịch vụ	-	71.408.182
Giao dịch khác			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp Hóa chất	Thu hồi gốc vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	10.000.000
	Cổ tức được chia	-	367.200.000
	Thu khác	-	120.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Công nghiệp Hóa chất Việt Nam	Cho vay	-	-
	Lãi cho vay	242.000.000	219.791.667
Công ty TNHH Quản lý Dự án Hóa chất	Nhận lại vốn góp	-	2.124.379.131
Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO	Thu khác	14.317.217	-

6.2 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network, với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2020

Giám đốc



Nguyễn Tuyết Chinh



Đinh Đức Bộ



Nguyễn Công Thắng

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2019
và Kế hoạch lợi nhuận năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của CECO được thực hiện bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam;

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2020;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019.

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018		Phương án năm 2019	
		Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ		59.770.360.000		59.770.360.000
	Trong đó: Vốn góp của Tập đoàn	29,91%	17.877.314.676	29,91%	17.877.314.676
2	Tổng doanh thu thuần		364.380.204.037		268.358.897.246
3	Tổng lợi nhuận trước thuế		5.104.855.633		189.123.503
4	Thuế TNDN phải nộp		1.035.457.067		118.707.744
4.1	Thuế TNDN phải nộp	20%	1.035.457.067	20%	118.707.744
4.2	Thuế TNDN được miễn, giảm		0		0
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN		4.069.398.566		70.415.759
6	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang năm nay		5.812.954.456		5.812.954.456
7	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay chuyển sang năm sau		5.812.954.456		5.883.370.215
8	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối năm nay (8=5+6-7)		0		0
8.1	Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		0		0
8.2	Trích Quỹ đầu tư phát triển		0	0%	0
8.3	Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	0%	0	0%	0
8.4	Chia cổ tức theo VĐL	0%	0	0%	0

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2018		Phương án năm 2019	
		Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ %	Giá trị (đồng)
a	- Cổ tức trả bằng tiền mặt		0		0
	- Cổ tức trả bằng cổ phiếu		0		0
b	Trong đó: Cổ tức của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		0		0
	- Cổ tức trả bằng tiền mặt		0		0
	- Cổ tức trả bằng cổ phiếu		0		0
8.6	Phân phối khác (Quỹ thưởng HĐQT, ban điều hành)		0		0
9	Số lao động hiện có (Người)		158		97

Giải trình: Năm 2019 Công ty không hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra, doanh thu và lợi nhuận công ty mẹ giảm nhiều so với năm 2018, dòng tiền thu các dự án gặp nhiều khó khăn nên không có nguồn tiền chia cổ tức cho cổ đông.

2. Kế hoạch lợi nhuận năm 2020.

Năm 2020 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vô cùng khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 và việc xử lý các dự án dở dang như tranh chấp từ dự án EPC Muối mỏ Lào tiềm ẩn nhiều rủi ro, Dự án EPC NPK Cà Mau bị chậm so với kế hoạch, việc chạy thử bàn giao còn nhiều khó khăn dẫn đến chi phí tăng cao, công ty con VMEC tại Đồng Nai đang tạm ngừng hoạt động. Do vậy, ban điều hành dự kiến kế hoạch như sau:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (chưa bao gồm VMEC): 1.224.000 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông: Không.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO
Về việc hủy đăng ký công ty đại chúng

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11; Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn thi hành,

Hội đồng quản trị (HDQT), báo cáo ĐHĐCĐ nội dung sau:

Căn cứ danh sách cổ đông chốt ngày 05/3/2020 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) lập, Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất đang có số cổ đông là 93 cổ đông. Như vậy, hiện tại công ty có số cổ đông dưới 100 cổ đông - không đáp ứng các điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11.

Ngày 19/3/2020 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC) đã có văn bản số 1846/UBCK-GSĐC yêu cầu công ty báo cáo điều kiện công ty đại chúng.

Căn cứ vào thực tế thị trường giao dịch và nhu cầu của Công ty, Công ty đã gửi SSC văn bản số 65/CECO-TCHC ngày 26/3/2020 báo cáo theo yêu cầu của SSC và đồng thời gửi hồ sơ đề nghị việc hủy đăng ký công ty đại chúng do không đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11.

Ngày 01/4/2020 SSC đã có văn bản trả lời số 2190/UBCK-GSĐC về đề nghị của Công ty, theo đó căn cứ các quy định của pháp luật, sau 01 năm kể từ ngày Công ty không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng (ngày 05/3/2020), SSC sẽ xem xét hủy đăng ký công ty đại chúng trên cơ sở báo cáo về điều kiện công ty đại chúng tại thời điểm đó của Công ty. Như vậy, nếu không có gì thay đổi (chủ yếu thay đổi về số lượng cổ đông), Công ty sẽ không còn là công ty đại chúng và giao dịch chứng khoán tại sàn UPCOM kể từ ngày 05/3/2021. Về nội dung chi tiết, sau khi có văn bản chỉ đạo từ SSC, Công ty sẽ công bố thông tin theo quy định. Quý cổ đông có thể theo dõi các thông tin từ website của Công ty, tên miền www.ceco.com.vn.

Trên đây là một số nội dung về việc hủy đăng ký công ty đại chúng HDQT báo cáo ĐHĐCĐ để nắm thông tin./.

**TL.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THƯ KÝ CÔNG TY**



Nguyễn Văn Quý

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh tại CECO năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất dự kiến phương án chi thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2020 như phương án năm 2019, cụ thể như sau:

1. Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty được chi căn cứ theo các buổi họp do Hội đồng quản trị triệu tập thay vì mức chi quy định theo tháng như trước đây.

2. Mức chi thù lao dự kiến năm 2020 như sau:

- Hội đồng quản trị: 1.000.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.
- Ban kiểm soát: 500.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.
- Thư ký Công ty: 500.000 đồng/1 thành viên/1 phiên họp.

3. Tổng mức thù lao dự kiến là 20.000.000 đồng, cụ thể (*):

- Hội đồng quản trị (3 người): 12.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát (3 người): 6.000.000 đồng.
- Thư ký Công ty (1 người): 2.000.000 đồng.

**: Số liệu tạm tính dựa trên số buổi họp tối thiểu của Hội đồng quản trị là 4 phiên họp/năm theo quy định chung.*

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên**

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới cho Công ty

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ Tờ trình ngày 29/4/2020 của Ban điều hành Công ty về việc bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới cho Công ty trong năm 2020;

Nhằm mục đích mở rộng các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh để phát huy các thế mạnh về con người và tài sản trí thức, tạo thêm việc làm cho người lao động và tăng doanh thu sản xuất của Công ty;

Sau khi rà soát lại ngành nghề kinh doanh đã đăng ký của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc đăng ký bổ sung một số ngành nghề kinh doanh gắn với ngành nghề hoạt động chính và một số lĩnh vực mới cho Công ty (*Danh sách ngành nghề dự kiến đăng ký bổ sung chi tiết như đính kèm*)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên**

DANH SÁCH CÁC NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
DỰ KIẾN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình ngày .../5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty)

TT	Mã ngành	Nội dung
1.	0891	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón
2.	0892	Khai thác và thu gom than bùn
3.	0893	Khai thác muối
4.	0899	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu
5.	0910	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên
6.	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác <i>Chi tiết: Dịch vụ khoan, đào thăm dò địa chất và lấy mẫu quặng</i>
7.	2011	Sản xuất hoá chất cơ bản
8.	2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
9.	2013	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
10.	2021	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp
11.	2022	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít
12.	2023	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh
13.	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
14.	2100	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu
15.	2513	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)
16.	2599	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
17.	3700	Thoát nước và xử lý nước thải
18.	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại
19.	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại
20.	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
21.	4291	Xây dựng công trình thủy
22.	4292	Xây dựng công trình khai khoáng
23.	4293	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo
24.	4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác <i>Chi tiết:</i> - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; - Thi công, lắp đặt nhà xưởng, máy móc thiết bị trong các nhà máy hóa chất, phân bón, dầu khí, khai thác chế biến khoáng sản và công trình liên quan.
25.	4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
26.	4610	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa
27.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
28.	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại
29.	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
30.	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
31.	4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
32.	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh

TT	Mã ngành	Nội dung
33.	7010	Hoạt động của trụ sở văn phòng
34.	7020	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết: Tư vấn, lập quy hoạch, chiến lược ngành, khu công nghiệp, vùng kinh tế và các hoạt động tư vấn quản lý khác</i>
35.	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết:</i> - <i>Tư vấn thiết kế, thẩm tra thiết kế, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy;</i> - <i>Thiết kế, thẩm tra thiết kế kết cấu, kiến trúc và nội ngoại thất công trình;</i> - <i>Tư vấn lập dự án, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình;</i> - <i>Lập quy hoạch xây dựng (chung, phân khu, chi tiết);</i>
36.	7211	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên
37.	7212	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ
38.	7213	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược
39.	7310	Quảng cáo
40.	7320	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
41.	7410	Hoạt động thiết kế chuyên dụng
42.	7820	Cung ứng lao động tạm thời
43.	7830	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
44.	8211	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
45.	8219	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
46.	8291	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng
47.	8292	Dịch vụ đóng gói
48.	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu
49.	8559/ Điều 1 Nghị định 113/2017/NĐ-CP	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo, huấn luyện an toàn hóa chất và các hoạt động đào tạo ngắn hạn khác</i>
50.	Điều 113 Nghị định 63/2014/NĐ-CP	Tư vấn đấu thầu và Đại lý đấu thầu

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ vào hồ sơ năng lực và chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam cho việc kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất; Căn cứ Biên bản họp của Ban kiểm soát ngày 24/4/2020,

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức có lợi ích công chúng;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý.

2. Dựa trên những tiêu chí trên, sau khi xem xét hồ sơ năng lực, mức chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam và đối chiếu với các yêu cầu về hồ sơ Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty, Ban Kiểm soát đề xuất:

- Chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty làm việc với đơn vị kiểm toán để quyết định mức phí kiểm toán trên nguyên tắc không cao hơn năm 2019 (*Mức phí kiểm toán năm 2019 là 130.000.000 đồng, chưa bao gồm thuế VAT*).

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông quyết định./.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
KIỂM SOÁT VIÊN**

Trương Thị Minh Thu

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2020

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI HỘI NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

Kính thưa Đoàn Chủ tịch;

Kính thưa quý cổ đông, quý đại biểu,

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được ban hành kèm theo Quyết định số 285/QĐ-CTTK ngày 17/8/2016 của HĐQT công ty.

Căn cứ các quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Bộ Tài chính quy định về nội dung Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) áp dụng cho công ty đại chúng, công ty niêm yết.

Thay mặt Ban Kiểm soát (BKS) tôi xin báo cáo trước hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019 về hoạt động của BKS năm 2019 và giữa hai kỳ hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019-2020 như sau:

I. Tổng kết hoạt động và các cuộc họp của BKS trong năm 2019 và giữa hai kỳ hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019-2020.

1. Từ sau Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019 (25/04/2019), đến Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2020, BKS họp 4 phiên (từ phiên III.14 đến III.17).

Các phiên họp BKS được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tại phiên thứ III.17 BKS đã thông qua toàn văn Báo cáo hoạt động của BKS trình Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2020; BKS cũng thẩm tra BCTC của Công ty năm 2019 đã được kiểm toán.

Thư ký công ty đã tổng hợp và lập biên bản các cuộc họp. Biên bản cuộc họp được lập kịp thời, thông qua vào cuối phiên họp với sự nhất trí 100% các thành viên tham dự.

Trong năm 2019, Bà Trương Thanh Vân đã xin từ nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát vào ngày 23/12/2019, Ban Kiểm soát hoạt động với 02 thành viên và chưa bổ sung nhân sự,

2. Báo cáo về thù lao và chi phí hoạt động của BKS trong năm 2019

- Mức thù lao mà các thành viên BKS nhận được theo Nghị quyết Hội nghị ĐHCĐ thường niên 2019 họp ngày 25/04/2019: 0 đồng

II. Đánh giá, giám sát kết quả SXKD năm 2019 và dự kiến kế hoạch SXKD năm 2020.

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019.

Căn cứ báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020, BCTC riêng và BCTC hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của công ty (đã được kiểm toán); Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2019, BKS xem xét và đánh giá như sau:

- Doanh thu là 335 tỷ đạt 87% chỉ tiêu Nghị quyết;
- Lợi nhuận sau thuế 1,27 tỷ đạt 15 % so với Nghị quyết ĐHĐCĐ

Như vậy các chỉ tiêu đề ra đều không đạt so với Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019, nguyên nhân do:

- Dự án NPK bị chậm do các yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và dòng tiền của dự án.
- Do ảnh hưởng của việc tranh chấp muối Lào dẫn đến Công ty không đủ năng lực để tham dự đấu thầu.
- Các hợp đồng khai thác trong năm 2019 ít dẫn đến không đảm bảo khối lượng công việc cho cán bộ nhân viên tại Văn phòng và công việc gởi đầu cho năm tiếp theo.
- Nhân sự của các bộ phận, đặc biệt là các nhân sự có kinh nghiệm của khối trực tiếp nghỉ việc do việc giảm và chậm lương.

2. Về kế hoạch SXKD năm 2020:

Căn cứ tình hình thực tế về giá trị ký kết các hợp đồng đang thực hiện, BKS nhất trí với các chỉ tiêu SXKD năm 2020 được nêu trong Báo cáo của HĐQT và HĐQT đã thông qua: Doanh thu hợp nhất 98 tỷ, lợi nhuận sau thuế hợp nhất 1,24 tỷ.

III. Đánh giá, thẩm tra BCTC của công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 và đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020.

1. BKS đã nhận được BCTC riêng và BCTC hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam

2. Trên cơ sở báo cáo số 297/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM ngày 25/03/2020 và báo cáo 366/2020/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM ngày 31/03/2020 của đơn vị kiểm toán CPA phát hành, BKS đã thực hiện thẩm tra các báo cáo trên và có ý kiến sau:

- CPA đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất và sau hợp nhất của CECO tại ngày 31/12/2019. Kết quả SXKD và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất và sau hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

IV. Về việc lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020 phê chuẩn tổ chức kiểm toán BCTC riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là Công ty kiểm toán lớn, phạm vi hoạt động toàn cầu, được Ủy ban chứng khoán chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết.
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán, Báo cáo kiểm toán được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- Có mức phí kiểm toán hợp lý.

2. Dựa trên những tiêu chí trên, sau khi xem xét hồ sơ năng lực, mức chào giá dịch vụ kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam và đối chiếu với các yêu cầu về

hồ sơ Báo cáo kiểm toán năm 2020 của Công ty. BKS đề xuất lựa chọn Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất.

V. Kết quả giám sát đối với HĐQT, GĐCT và cán bộ quản lý.

1. Đánh giá, giám sát đối với HĐQT:

- Trong năm 2019, HĐQT còn 03 thành viên trong đó 02 thành viên giữ nhiệm vụ chuyên trách, 01 thành viên kiêm chức danh điều hành.

- Về hoạt động: Trong năm 2019 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2019-2020 HĐQT đã họp 8 phiên (từ phiên III.15 đến phiên III.22). Các phiên họp của HĐQT được tiến hành theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty. BKS được mời tham dự tất cả các cuộc họp của HĐQT. Thư ký công ty là thư ký cuộc họp, làm nhiệm vụ tổng hợp ý kiến thảo luận, lập biên bản, Nghị quyết phiên họp và các quyết định của HĐQT.

- Tại các phiên họp của HĐQT đã quyết định và ban hành các quyết định liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, liên quan đến việc kiện toàn bộ máy tổ chức, nhân sự của công ty, liên quan đến việc giải quyết các công việc liên quan của dự án muối Lào; việc triển khai thực hiện dự án EPC sản xuất phân bón phức hợp từ Urea của Công ty Phân bón dầu khí Cà Mau, liên quan đến việc chỉ đạo GĐCT và bộ máy điều hành thực hiện và triển khai công tác sản xuất kinh doanh tháng, quý và năm 2020.

2. Đánh giá, giám sát đối với Giám đốc công ty và bộ máy điều hành.

- Về nhân sự: Trong năm 2020, Ban Giám đốc gồm 04 thành viên do bổ sung thêm Ông Lưu Ngọc Vĩnh làm Phó Giám đốc Công ty từ ngày 8/10/2019. Ông Nguyễn Công Thắng - Giám đốc Công ty chuyên trách thực hiện dự án NPK Đạm Cà Mau.

- Về công tác xây dựng quy chế nội bộ: Ban Giám đốc xây dựng Quy chế lương và Quy chế thực hiện hợp đồng cho phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty..

VI. Về việc phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, GĐCT và cổ đông trong năm 2019 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ 2019-2020.

- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, GĐCT và cổ đông được thực hiện theo Quy chế hoạt động của BKS CECO (ban hành theo Quyết định số 285/QĐ-CTTK ngày 17/08/2016).

- BKS đã nhận được kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động của công ty do thư ký công ty chuyển tới.

Trên đây là báo cáo tổng hợp hoạt động của BKS trong năm 2019 và dự kiến chương trình hoạt động trong năm 2020, Ban Kiểm soát xin báo cáo toàn thể hội nghị./.

Xin chân thành cảm ơn./.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
KIỂM SOÁT VIÊN**



Trương Thị Minh Thu

Dự kiến chương trình hoạt động của BKS năm 2020 và giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ thường niên 2020-2021

(kèm theo Báo cáo hoạt động của BKS)

STT	Phiên họp	Nội dung
1	Phiên họp thứ 18 nhiệm kỳ III (III.18-BKS).	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận hồ sơ, tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã ban hành. - Đánh giá, giám sát về kết quả SXKD quý I và triển khai nhiệm vụ quý II năm 2020
2	Phiên họp thứ 19 nhiệm kỳ III (III.19-BKS) Dự kiến họp cuối tháng 7/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành 6 tháng đầu năm 2020. - Đánh giá hiệu quả SXKD 6 tháng đầu năm 2020 của công ty, trong đó có việc phân tích tài chính 6 tháng của công ty trên các khía cạnh: - Kiểm điểm hoạt động của BKS 6 tháng đầu năm - Các kiến nghị của BKS đối với việc quản trị công ty của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành.
3	Phiên họp thứ 20 nhiệm kỳ III (III.20-BKS) Dự kiến họp trung tuần tháng 10/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành Quý III và 9 tháng đầu năm 2020. - Đánh giá hiệu quả SXKD 9 tháng đầu năm và các biện pháp SXKD quý IV/2020 và khả năng hoàn thành các chỉ tiêu theo NQ ĐHĐCĐ.
4	Phiên họp thứ 21 nhiệm kỳ III (III.21-BKS) Dự kiến họp trong tháng 03/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá, giám sát đối với hoạt động của HĐQT, GĐCT và bộ máy điều hành trong Quý IV và cả năm 2020 về việc thực hiện NQ ĐHĐCĐ năm 2020 và các nghị quyết của HĐQT. - Xem xét thẩm tra BCTC riêng và BCTC hợp nhất của công ty cho năm tài chính kết thúc vào 31/12/2020. - Xem xét kế hoạch SXKD của công ty năm 2021
5	Phiên họp thứ 22 nhiệm kỳ III (III.22-BKS) Dự kiến họp trước ngày tổ chức Hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2021	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua toàn văn báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2021. Trong đó có việc thẩm tra BCTC năm 2020. - Trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất kết thúc vào 31/12/2021. - Các kiến nghị của BKS.
6	Phiên họp liên tịch với HĐQT (theo lịch của HĐQT)	- Theo nội dung của HĐQT
7	Các phiên họp bất thường để xử lý những vấn đề phát sinh (theo thời điểm phát sinh sự việc).	- Nội dung phù hợp với những vấn đề phát sinh.

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2020

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ Đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Mạnh Hùng ngày 07/02/2020;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị giữa nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.

Vi lý do cá nhân ông Nguyễn Mạnh Hùng đã có đơn xin từ nhiệm vị trí thành viên Hội đồng quản trị. Sau khi xem xét, Hội đồng quản trị đã thông qua Đơn xin từ nhiệm của Hùng tại phiên họp III.22 trong tháng 3 năm 2020

Để đảm bảo việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đúng quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất đối với ông Nguyễn Mạnh Hùng.

2. Phương án bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị.

Căn cứ Điều lệ Công ty và theo tình hình thực tế công việc, Hội đồng quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng: 01 người.

Điều kiện: Cổ đông hoặc cá nhân đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty có quyền tự ứng cử hoặc đề cử vị trí thành viên HĐQT để Đại hội đồng cổ đông bầu tại hội nghị.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2020

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Về việc thôi nhiệm vụ Hội đồng quản trị, Phó giám đốc
tại Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất (CECO)

Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Đồng kính gửi các thành viên Hội đồng quản trị
Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất

Tôi là: Nguyễn Mạnh Hùng. Sinh năm: 1961.

Chức vụ, đơn vị công tác: HĐQT, Phó giám đốc CECO

Tôi viết đơn này để trình ông Chủ tịch và Hội đồng quản trị như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CECO ngày 06/5/2019 và Quyết định số 147/QĐ-CECO ký ngày 29/10/2019 của Hội đồng quản trị CECO.

Trong giai đoạn được giao nhiệm vụ vừa qua tôi đã cố gắng thực hiện nhiệm vụ được giao nhưng với trình độ và năng lực không đáp ứng được yêu cầu, mặt khác tuổi đã cao không nhanh nhạy do vậy để lớp trẻ có cơ hội cống hiến nên tôi làm đơn này kính trình Hội đồng quản trị cho tôi được thôi nhiệm vụ thành viên HĐQT và Phó giám đốc tại CECO.

Một lần nữa tôi đề nghị ông Chủ tịch và các thành viên HĐQT xem xét chấp thuận nguyện vọng của cá nhân tôi.

Trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ



Nguyễn Mạnh Hùng

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm kiểm soát viên và phương án bầu bổ sung

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Hội đồng quản trị Công ty báo cáo và kính trình HĐQT cho ý kiến về việc bầu bổ sung Kiểm soát viên giữa nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

Ngày 12/11/2019, bà Trương Thanh Vân - Trưởng BKS đã có đơn xin từ nhiệm các chức vụ và không tham gia Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2016-2021.

Ngày 23/12/2019, căn cứ biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT đã thông qua đơn xin từ nhiệm của bà Vân, đồng thời thông qua phương án giữ nguyên cơ cấu 02 kiểm soát viên thời điểm đó và sẽ bầu bổ sung 01 kiểm soát viên tại Hội nghị HĐQT thường niên 2020.

Ngày 09/3/2020 bà Trần Thị Minh Trang có Đơn xin từ nhiệm nhiệm vụ kiểm soát viên vì lý do cá nhân (Đơn từ nhiệm kèm theo).

Căn cứ Điều lệ Công ty và các nội dung trên, tại Hội nghị HĐQT thường niên 2020, Hội đồng quản trị kính trình HĐQT thông qua Đơn xin từ nhiệm của bà Trần Thị Minh Trang và phương án và quy chế bầu cử bổ sung 02 kiểm soát viên vào Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế công nghiệp hóa chất nhiệm kỳ 2016-2021 (Quy chế bầu cử kèm theo).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thủy Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
Về việc thôi nhiệm vụ kiểm soát viên Công ty nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi:

- Ban Kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Hội đồng quản trị Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất
- Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Tôi là: Trần Thị Minh Trang. Sinh năm: 1985.

Chức vụ: Kiểm soát viên Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất, Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất

Tôi viết đơn này để trình Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông Công ty như sau:

Tại Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Tôi được Đại hội đồng cổ đông bầu giữ nhiệm vụ kiểm soát viên Ban kiểm soát Công ty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất nhiệm kỳ 2016-2021. Trong thời gian công tác tôi đã cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

Tuy nhiên, vì lý do cá nhân tôi đã có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty và chuyển làm công việc khác từ đầu tháng 3/2020. Vì vậy, việc tiếp tục giữ nhiệm vụ kiểm soát viên không còn phù hợp và tôi cũng không thể bố trí thời gian để hoàn thành nhiệm vụ.

Từ những lý do trên, Tôi làm đơn này kính trình Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông Công ty đồng ý cho tôi được thôi nhiệm vụ kiểm soát viên.

Xin trân trọng cảm ơn./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN



Trần Thị Minh Trang



**QUY CHẾ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG
NGHIỆP HÓA CHẤT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Việc bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất (CECO) được tiến hành theo những quy định sau:

I. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục bầu cử (bao gồm cả ứng cử, đề cử) bổ sung Thành viên HĐQT của CECO;
2. Các cổ đông có quyền bỏ phiếu bầu bổ sung Thành viên HĐQT của CECO có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của quy định này.

II. Quy chế đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT

1. Thành phần và nhiệm kỳ

- Số lượng Thành viên HĐQT bầu bổ sung trình ĐHCĐ: 01 Thành viên HĐQT.
- Nhiệm kỳ Thành viên HĐQT bổ sung: Tiếp tục nhiệm kỳ 2016-2021.
- Số lượng ứng cử viên Thành viên HĐQT bổ sung: Không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT:

Được quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
- Có trình độ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật, kinh tế tài chính, pháp lý; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm quản lý một trong các ngành nghề chính của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Công ty khác..

3. Thủ tục ứng cử, đề cử Thành viên HĐQT:

- 3.1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung làm Thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty gửi Đơn ứng cử/đề cử về Công ty trước ngày 12/6/2020 về địa chỉ:
 - Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Công ty
 - Địa chỉ: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất Số 21A Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
 - Điện thoại: 024.3845.577, Máy lẻ: 111 - Fax: 024.3823.2325
- 3.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử:
 - Giấy ứng cử/đề cử ứng viên Thành viên HĐQT (theo mẫu đính kèm);
 - Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu đính kèm).
- 3.3. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ trên mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền ứng cử/đề cử 01 ứng viên bổ sung làm Thành viên HĐQT.

III. Hướng dẫn cách thức bầu Thành viên HĐQT:

1. Nguyên tắc bầu cử

Việc biểu quyết bầu Thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Thành viên HĐQT được bầu bổ sung trong Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Hình thức phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự hội nghị sẽ được phát một (01) phiếu bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên Thành viên HĐQT.

- Trên phiếu bầu cử có ghi mã số từng cổ đông hoặc được đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền, tổng số phiếu biểu quyết tối đa và được đóng dấu treo của công ty. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần, số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

3. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu”.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.

- Số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá số cổ phần mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.

- Số phiếu bầu phải được ghi bằng chữ số. Không được thể hiện bằng phân số, tỉ lệ, chữ số la mã, phần trăm hay bất kỳ hình thức thể hiện nào không phải chữ số.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không do Ban Tổ chức hội nghị phát hành.

- Phiếu bầu cử rách nát, có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ).

- Phiếu bầu cử quá số quyền biểu quyết của cổ đông.

- Phiếu bầu cử có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu bầu cử ghi không đúng phương pháp được quy định tại mục II khoản 3 Quy định này.

- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội.

- Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

IV. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, công bố kết quả

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng bắt buộc không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào Thành viên HĐQT.

- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:

+ Hướng dẫn tóm tắt quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT;

+ Phát phiếu bầu cho cổ đông/người được ủy quyền;

+ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông/người được ủy quyền;

+ Tổ chức kiểm phiếu;

+ Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;

+ Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đoàn hội nghị;

- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, bàn giao dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở khi có quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi thời hạn bỏ phiếu kết thúc;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

3. Nguyên tắc trúng cử Thành viên HĐQT

Ứng viên trúng cử Thành viên HĐQT được xác định là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì

sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; tổng số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Thành viên HĐQT. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả Thành viên Ban kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố và thông qua trước hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020.

5. Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu xin ý kiến ĐHĐCĐ quyết định.

Quy định bầu cử này có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua (riêng mục 3 phần II quy định này yêu cầu thực hiện như thời hạn trên) và là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục bầu cử bổ sung Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 của CECO./.

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên

QUY CHẾ BẦU CỬ

KIỂM SOÁT VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 206/NQ-CECO ngày 23/12/2019 của ĐHĐCĐ Công ty về việc chấp thuận Đơn xin từ nhiệm của bà Trương Thanh Vân; Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của bà Trần Thị Minh Trang ngày 09/3/2020.

Việc bầu cử bổ sung Kiểm soát viên (KSV) nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất được tiến hành theo những quy định sau:

I. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn trình tự và thủ tục bầu cử (bao gồm cả ứng cử, đề cử) bổ sung KSV của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất;
2. Các cổ đông có quyền bỏ phiếu bầu bổ sung KSV của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất có trách nhiệm thực hiện theo các nội dung của quy định này.

II. Quy chế đề cử, ứng cử KSV

1. Thành phần và nhiệm kỳ

- Số lượng KSV bầu bổ sung trình ĐHĐCĐ: 02 KSV.
- Nhiệm kỳ KSV bổ sung: Tiếp tục nhiệm kỳ 2016-2021.
- Số lượng ứng cử viên KSV bổ sung: Không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Được quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Có trình độ học vấn từ đại học trở lên;
- Có hiểu biết về pháp luật và kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
- Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý, điều hành Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
- Kiểm soát viên không phải là người thuộc bộ phận kế toán tài chính của Công

ty, không phải là thành viên hay nhân viên của đơn vị kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

3. Thủ tục ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

3.1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ tiêu chuẩn ứng cử, đề cử ứng viên bầu bổ sung làm KSV theo Điều lệ Công ty gửi Đơn ứng cử/đề cử về Công ty **trước ngày 12/6/2020** về địa chỉ:

- Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Công ty
- Địa chỉ: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất
Số 21A Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: 024.3845.5777, Máy lẻ: 111 - Fax: 024.3823.2325

3.2. Hồ sơ ứng cử, đề cử:

- Giấy ứng cử/đề cử ứng viên KSV (*theo mẫu đính kèm*);
- Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (*theo mẫu đính kèm*).

3.3. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền ứng cử/đề cử 01 ứng viên. Từ ba mươi phần trăm (30%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền ứng cử/đề cử 02 ứng viên.

III. Hướng dẫn cách thức bầu KSV:

1. Nguyên tắc bầu cử

Việc biểu quyết bầu KSV phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số KSV được bầu bổ sung trong Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Hình thức phiếu bầu cử

- Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền đến dự hội nghị sẽ được phát một (01) phiếu bầu cử bổ sung KSV.

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên các ứng cử viên KSV.

- Trên phiếu bầu cử có ghi mã số từng cổ đông hoặc được đại diện theo ủy quyền, tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền, tổng số phiếu biểu quyết tối đa và được đóng dấu treo của công ty. Khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần, số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

3. Cách ghi phiếu bầu

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu”.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên, thì cổ đông để trống hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu”.

- Số phiếu bầu cho ứng cử viên của một cổ đông không được vượt quá số cổ

phần mà cổ đông đó sở hữu và được ủy quyền.

- Số phiếu bầu phải được ghi bằng chữ số. Không được thể hiện bằng phân số, tỉ lệ, chữ số la mã, phần trăm hay bất kỳ hình thức thể hiện nào không phải chữ số.

4. Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu bầu cử không do Ban Tổ chức hội nghị phát hành.

- Phiếu bầu cử rách nát, có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới và hủy phiếu cũ).

- Phiếu bầu cử quá số quyền biểu quyết của cổ đông.

- Phiếu bầu cử có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Phiếu bầu cử ghi không đúng phương pháp được quy định tại mục II khoản 3 Quy định này.

- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội.

- Các phiếu bầu cử không hợp lệ sẽ không có giá trị khi kiểm phiếu bầu cử.

IV. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu, công bố kết quả

1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông nhưng bắt buộc không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào KSV.

- Ban kiểm phiếu có một số trách nhiệm chính sau:

+ Hướng dẫn tóm tắt quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung KSV;

+ Phát phiếu bầu cho cổ đông/người được ủy quyền;

+ Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông/người được ủy quyền;

+ Tổ chức kiểm phiếu;

+ Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước ĐHĐCĐ;

+ Giao lại biên bản và toàn bộ phiếu bầu cho Chủ tịch Đoàn hội nghị;

- Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kết quả kiểm phiếu, công bố trước ĐHĐCĐ, sau đó phải niêm phong các phiếu bầu cử, bàn giao dữ liệu liên quan đến bầu cử trên máy vi tính và chỉ được mở khi có quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- BKP tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi thời hạn bỏ phiếu kết thúc;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

3. Nguyên tắc trúng cử KSV

Ứng viên trúng cử KSV được xác định là ứng viên có số phiếu bầu cao nhất. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

4. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; tổng số phiếu biểu quyết cho từng ứng cử viên vào KSV. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả thành viên Ban kiểm phiếu.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố và thông qua trước hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020.

5. Khiếu nại

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại hội nghị ĐHĐCĐ thường niên 2020, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu xin ý kiến ĐHĐCĐ quyết định.

Quy định bầu cử này có hiệu lực sau khi được ĐHĐCĐ thông qua (riêng mục 3 phần II quy định này yêu cầu thực hiện như thời hạn trên) và là cơ sở pháp lý cho trình tự và thủ tục bầu cử bổ sung KSV nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất./.

Nơi nhận:

- HĐQT; BKS;
- Đăng trên website Công ty;
- Lưu Thư ký Công ty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Thủy Nguyên

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII, nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/10/2015; sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 12/9/2016, lần 2 ngày 25/4/2019 và lần 3 ngày 23/12/2019;

Căn cứ Biên bản Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất (CECO) ngày 15/6/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo tổng kết công tác năm 2019 và Kế hoạch triển khai nhiệm vụ năm 2020 với các chỉ tiêu chính như sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

(Đơn vị: Triệu đồng)

TT	Các chỉ tiêu chính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch	Tỷ lệ thực hiện so với năm 2018
1	Doanh thu hợp nhất	406.657	385.000	355.036	87,0%	82,9%
2	Lợi nhuận sau thuế HN	4.621	8.500	1.273	15,0%	27,5%

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu chính	Giá trị (triệu đồng)	Ghi chú
1	Doanh thu hợp nhất	98.000	(chưa bao gồm công ty con VMEC tại Đồng Nai)
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	1.224	
4	Tổng kinh phí đầu tư xây dựng	0	

2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 (đã kiểm toán); Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch lợi nhuận năm 2020 theo Tờ trình ngày 31/3/2020, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019:

(Đơn vị: Đồng)

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
I	Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2019		
1	Tổng lợi nhuận phát sinh		189.123.503
2	Thuế TNDN phải nộp	20%	118.707.744
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2019		70.415.759
4	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang năm nay		5.812.954.456
5	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay chuyển sang năm sau		5.883.370.215
6	Tổng lợi nhuận phân phối năm nay		0
II	Phân phối lợi nhuận		
1	Quỹ đầu tư phát triển	0%	0
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0%	0
3	Cổ tức (%trên mệnh giá cổ phần)		0
4	Phân phối khác (Quỹ thưởng HĐQT và ban điều hành)		0

- Kế hoạch lợi nhuận năm 2020: Năm 2020 tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vô cùng khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 và việc xử lý các dự án dở dang như tranh chấp từ dự án EPC Muối mỏ Lào tiềm ẩn nhiều rủi ro, Dự án EPC NPK Cà Mau bị chậm so với kế hoạch, việc chạy thử bàn giao còn nhiều khó khăn dẫn đến chi phí tăng cao, công ty con VMEC tại Đồng Nai đang tạm ngừng hoạt động. Vì vậy, ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch do ban điều hành dự kiến như sau:

- ✓ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất (chưa bao gồm VMEC): 1.224.000 đồng.
- ✓ Chia cổ tức cho cổ đông: Không.

3. Thông qua Báo cáo về hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát (BKS) năm 2019 và Dự kiến kế hoạch, mục tiêu hoạt động năm 2020. Phê duyệt dự trù kinh phí hoạt động năm 2020 của BKS là 30 triệu đồng, của HĐQT là 50 triệu đồng.

4. Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký công ty năm 2020 với tổng số tiền thù lao dự kiến là 20 triệu đồng.

5. Thông qua đề xuất BKS về việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2020 của Công ty CP Thiết kế Công nghiệp hóa chất. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT Công ty làm việc với đơn vị kiểm toán để quyết định mức phí kiểm toán trên nguyên tắc không cao hơn năm 2019 (Mức phí kiểm toán năm 2019 là 130.000.000 đồng, chưa bao gồm thuế VAT).

6. Thông qua việc bổ sung thêm 50 ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa chất theo đề nghị của ban điều hành và nội dung Tờ trình của HĐQT Công ty. ĐHĐCĐ giao HĐQT, Người đại diện theo pháp luật thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký bổ sung các ngành nghề kinh doanh cho Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

7. Chấp thuận Đơn xin từ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch, Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Điều 2. Công nhận kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS CECO nhiệm kỳ 2016-2021 như sau:

1. Ông Lưu Ngọc Vĩnh đã trúng cử làm thành viên HĐQT.
2. Bà Nguyễn Thị Minh Tuyết và bà Nguyễn Thị Huyền Trang đã trúng cử làm Kiểm soát viên.

Điều 3. Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thông qua toàn văn và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám đốc Công ty căn cứ quyết nghị thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, HNX;
- Bà Thu (CBTT);
- Lưu VT, Thư ký Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Nguyễn Thủy Nguyên